

Số: 545A/BC-CTK

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 12, quý IV và cả năm 2021

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

Hai năm qua, đại dịch Covid-19 với nhiều biến thể khác nhau liên tiếp của virus SARS-CoV-2, ngày càng lây lan nhanh và nguy hiểm hơn, diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, tác động tiêu cực, kéo dài đến sức khỏe, tính mạng con người và kinh tế thế giới; làm thay đổi sâu sắc trật tự, cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị, tổ chức hoạt động kinh tế và đời sống xã hội toàn cầu.

Năm 2021, sự phục hồi *kinh tế thế giới* đã dần quay trở lại, chỉ số nhà quản trị mua hàng PMI toàn cầu liên tục tăng trong các tháng đầu năm với sự dẫn dắt của các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU... khi các quốc gia này hoàn thành tiến độ tiêm chủng; PMI đã đạt 54,5 vào tháng 10/2021. Nhưng sự xuất hiện của biến thể Omicron có tốc độ lây lan rất nhanh tạo ra trở ngại đáng kể, các tổ chức quốc tế dự báo kinh tế thế giới tăng trưởng 5,3-5,9% năm 2021¹, giảm nhẹ so với các dự báo trước đó. *Trong nước*, đợt bùng phát dịch lần thứ tư với biến chủng Delta lây lan nhanh, hết sức nguy hiểm, khó kiểm soát hơn đã ảnh hưởng lớn và hết sức tiêu cực đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, đặc biệt là đã cướp đi sinh mạng của nhiều người. Toàn hệ thống chính trị đã chủ động, tích cực vào cuộc, đề ra nhiều chủ trương, chính sách, biện pháp để xử lý kịp thời, đúng hướng đảm bảo tính thống nhất đối với những vấn đề mới phát sinh, giảm thiểu thiệt hại do tác động của đại dịch gây ra, giữ ổn định và phát triển kinh tế. *Ở trong tỉnh*, được sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của Trung ương, đặc biệt có lực lượng trực tiếp tăng cường tại tỉnh trong lúc cao điểm, kịp thời đưa ra các giải pháp mạnh mẽ để tháo gỡ khó khăn, động viên lực lượng chống dịch, tạo niềm tin, động lực cho địa phương, các tập đoàn kinh tế lớn, doanh nghiệp và toàn thể người dân quyết tâm vượt khó, duy trì sản xuất, ổn định cuộc sống. Đồng thời, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, quyết liệt, sáng tạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, cùng

sự nỗ lực cố gắng của các ngành, các cấp, sự chung tay đồng lòng, đoàn kết của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân, kinh tế của tỉnh được duy trì ổn định; các lĩnh vực văn hoá, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh đạt nhiều kết quả tích cực; an sinh xã hội đảm bảo. Công tác điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được triển khai đồng bộ, nhiều giải pháp sáng tạo đem lại những chuyển biến tích cực, hiệu quả. Kết quả cụ thể ở những ngành, lĩnh vực như sau:

1. Tăng trưởng kinh tế

Quý IV/2021, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước tính tăng 4,04% so với cùng kỳ năm trước, tuy là mức tăng thấp nhất so với 3 quý trước trong năm nhưng vẫn là con số tích cực. Nguyên nhân, yếu tố cơ bản là dịch Covid tiếp tục diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng đến sức mua và phải giảm thiểu các hoạt động thương mại - dịch vụ, xây dựng; đồng thời công nghiệp có mức tăng thấp. Trong các bộ phận cấu thành GRDP, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 1,33%; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 4,56%; khu vực dịch vụ tăng 1,81%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,71%.

Năm 2021, kinh tế tỉnh Bắc Ninh đã thể hiện sức chống chịu đáng kể trong những giai đoạn khác nhau của đại dịch Covid-19, đã duy trì mức tăng 4,38% quý I, tăng cao 11,71% quý II và 8,89% quý III và duy trì mức tăng 4,04% trong quý IV như đã nêu trên. Tính chung cả năm, GRDP của tỉnh vẫn đạt được mức tăng khá cao so với năm trước là 6,9% trong hoàn cảnh khó khăn. Việc áp dụng các quy định về giãn cách xã hội và một số biện pháp cấp bách để chống dịch Covid-19 ở các cấp độ khác nhau đã ảnh hưởng đến mọi ngành kinh tế, trong đó một số ngành dịch vụ bị kéo thấp nhiều nhất. Trong tổng mức tăng chung GRDP: Khu vực công nghiệp - xây dựng có mức tăng cao nhất; tiếp theo là thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm; nông, lâm nghiệp và thủy sản; dịch vụ tăng thấp nhất, lần lượt tăng là 8,22%; 5,75%; 3,47%; 2,12%. Tuy là mức tăng thấp hơn mức trung bình của mục tiêu Đại hội XX của tỉnh đề ra² nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp thì đây là thành công lớn của tỉnh. Điều này cho thấy tính đúng đắn, sáng tạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành phòng chống dịch bệnh, duy trì, khôi phục phát triển kinh tế, sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị cùng với sự đồng hành, cố gắng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp để thực hiện có hiệu quả mục tiêu kép.

¹ Ước tính tăng trưởng toàn cầu cả năm 2021: IMF, Các Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, Liên minh châu Âu, Fitch Ratings, Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển lần lượt đạt: 5,9%, 5,6%, 5,8%, 5,7% và 5,3%

² Mục tiêu đề ra GRDP bình quân giai đoạn 2021-2025 từ 7-8%/năm

** Tăng trưởng kinh tế theo ngành:*

- *Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản:* Yếu tố chủ lực là chăn nuôi lợn phục hồi, sản lượng thịt lợn hơi tăng khá nên góp phần vào tốc độ tăng của ngành chăn nuôi tăng cao nhất trong giai đoạn (2015-2021). Tính chung, ngành nông nghiệp tăng 3,9%, đóng góp 0,09 điểm phần trăm vào GRDP trên địa bàn tỉnh; ngành lâm nghiệp tăng 1,43% và thủy sản tăng 1,61%, 2 ngành này lại có tỷ trọng nhỏ nên có đóng góp vào tốc độ tăng rất ít.

- *Khu vực công nghiệp - xây dựng:* Ngành công nghiệp có mức tăng khá cao +9,92%, đóng góp 7,02 điểm phần trăm vào GRDP trên địa bàn tỉnh. Trong đó, công nghiệp chế biến chế tạo đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế. Mặc dù cũng chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp, nhưng việc chuẩn bị công tác phòng chống dịch tốt ở những doanh nghiệp lớn, đặc biệt các doanh nghiệp thuộc Tổ hợp Samsung trên địa bàn vẫn duy trì tốt là nhân tố quan trọng đưa hoạt động sản xuất ổn định và đạt được mức tăng khá cao +10,03%, đóng góp 7,01 điểm phần trăm. Trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo thì ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 10,03% đóng góp 4,45 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,5%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; riêng ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 5,88%, làm giảm 0,02 điểm phần trăm trong mức tăng chung. Ngành xây dựng, do phải giãn cách xã hội ở hầu hết các địa phương trên địa bàn tỉnh trong thời gian cao điểm có dịch, các địa phương cũng bị động và phải ưu tiên về thời gian và nguồn lực con người, vật chất cho công tác chống dịch; Giá nguyên liệu đầu vào tăng cao khiến các nhà thầu khó tìm nguồn cung về nguyên liệu, ảnh hưởng đến phương án tài chính khi triển khai dự án theo hợp đồng đã ký; sau giai đoạn đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị SXKD mà chủ yếu là ở các doanh nghiệp có vốn FDI (tổ hợp Samsung đã hoàn thành xây dựng hạ tầng và mua sắm lắp đặt máy móc thiết bị ở năm trước), đến nay các doanh nghiệp này có mức đầu tư giảm. Đồng thời tỉnh cũng chưa thu hút được các dự án lớn đầu tư vào Bắc Ninh trong năm 2021. Do vậy ngành xây dựng có mức giảm nhiều -18,8%, làm giảm 0,84 điểm phần trăm.

- *Khu vực dịch vụ:* Đại dịch Covid-19 tác động tiêu cực tới khu vực này nhiều nhất, trong đó ảnh hưởng trầm trọng là hoạt động thương mại, dịch vụ tiêu dùng. Tính chung khu vực dịch vụ đạt mức tăng thấp nhất 2,12%, đóng góp 0,38

điểm phần trăm. Với cách ứng phó linh hoạt, phù hợp với diễn biến dịch nên đã duy trì được mức tăng trưởng dương của nhiều ngành dịch vụ; hạn chế tối đa mức giảm của các ngành chịu bất lợi. Đóng góp của một số ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn vào tốc độ tăng thêm như sau: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy tăng 1,79%, đóng góp 0,07 điểm phần trăm; vận tải kho bãi tăng 4,35%, đóng góp 0,09 điểm phần trăm; thông tin và truyền thông tăng 2,21%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm; hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 4,24%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; giáo dục và đào tạo tăng 2,04%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm có mức tăng cao nhất +13,16%, đóng góp 0,24 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 25,38%, làm giảm 0,33 điểm phần trăm.

* *Cơ cấu kinh tế*: Cơ cấu của tỉnh tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng cao tỷ trọng công nghiệp - xây dựng do những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 đã kéo giảm khu vực dịch vụ nhiều hơn: Khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 77,33%; dịch vụ chiếm 16,07%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 2,7%; khu vực thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 3,9% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2020 là: 76,51% - 16,85% - 2,72% - 3,93%). Như vậy, tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 0,82%, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 0,02%, riêng khu vực dịch vụ do chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhiều nhất nên tỷ trọng giảm đi (-0,78%).

| Chi tiêu | | Năm 2021 | BQGD (2021-2025) |
|---|--------------------------|-----------|---------------------|
|  | Tốc độ tăng GRDP | 6,9% | 7-8%/năm |
|  | GRDP bình quân đầu người | 6.753 USD | 7.800-8200 USD |

* *Năng suất lao động*: NSLĐ toàn tỉnh theo giá hiện hành năm 2021 ước 286 triệu đồng/lao động, tăng 15,9 triệu đồng so với năm 2020 (tương đương 12.416 USD/lao động, tăng 832 USD so với năm 2020); NSLĐ theo giá so sánh tăng 4,07% do trình độ của người lao động ngày càng được nâng cao (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ năm 2021 đạt 28,1%, cao hơn mức 27,8% của năm 2020).

2. Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm

2.1. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2021 vẫn đảm bảo vượt dự toán đề ra và tăng so với cùng kỳ nhờ đà tăng trưởng của nền kinh tế, một số ngành, lĩnh vực ít chịu ảnh hưởng duy trì

được mức tăng khả quan tạo thêm nguồn thu cho ngân Nhà nước như các doanh nghiệp sản xuất thiết bị truyền thông, ngân hàng, bất động sản... Cân đối ngân sách Nhà nước năm 2021 có thặng dư.

Thu ngân sách Nhà nước: Tháng 12, tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 1.508 tỷ đồng, so với tháng trước (-24%) và so với cùng kỳ năm trước (-39,6%). Trong quý IV/2021, tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tăng cao do thời điểm cuối năm thực hiện thu các khoản nợ và gia hạn của các quý trước. Cụ thể, tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 9.977 tỷ đồng, so với quý trước (+70%) và so với cùng kỳ năm trước (+12%), trong đó thu nội địa đạt 8.510 tỷ đồng, gấp 2,3 lần và (+18,5%); thu từ Hải quan đạt 1.466 tỷ đồng (-32,3%) và (-15,1%)

Tính chung cả năm 2021, tổng thu ngân sách Nhà nước ước đạt 32.422 tỷ đồng, vượt 16,5% dự toán, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: Thu nội địa đạt 25.023 tỷ đồng, vượt 12,1% dự toán, tăng 2,6%; thu từ Hải quan 7.400 tỷ đồng, vượt 34,1% dự toán, tăng 16,1%; do các doanh nghiệp thuộc một số ngành như: SXSP điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học, SX trang phục... đã thúc đẩy xuất khẩu tăng; đồng thời các nhóm hàng nhập khẩu chính tăng mạnh như: Linh kiện điện tử, điện thoại, kim loại thường khác, TAGS & NPL chế biến... đã góp phần tăng thu Hải quan.

Chi ngân sách địa phương: Tháng 12, tổng chi ngân sách địa phương tăng nhiều do nhiều khoản chi dồn vào tháng cuối năm, ước tính đạt 3.924 tỷ đồng, gấp 3,6 lần so với tháng trước và tăng 81,2% so với cùng tháng năm trước. Quý IV/2021, chi ngân sách địa phương ước tính 8.742 tỷ đồng, gấp hơn 2 lần so với quý trước và tăng 73,9% cùng kỳ năm trước.

Tính chung cả năm 2021, tổng chi sách địa phương ước đạt 21.771 tỷ đồng, vượt 14,2% dự toán, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Các nhiệm vụ chi ngân sách được thực hiện theo dự toán và tiến độ triển khai nhiệm vụ chuyên môn của các đơn vị sử dụng ngân sách, ưu tiên chi cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19, đảm bảo cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết phục vụ công tác bầu

THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021



cử Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, đảm bảo an sinh xã hội. Mặc dù, việc giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách Nhà nước trong năm 2021 vượt 51,2% dự toán năm, tuy nhiên so với cùng kỳ năm trước giảm 18,2%.

Về các biện pháp tài khóa ứng phó với dịch Covid-19: Để hỗ trợ người dân vượt qua khó khăn của dịch Covid-19, tiếp thêm tiềm lực và sức chống chịu để phục hồi nhanh nhất, tỉnh Bắc Ninh đã chủ động áp dụng nhiều giải pháp tài khóa của Chính phủ và chủ động đề xuất ban hành theo thẩm quyền các giải pháp như: (i) Cho phép tính vào chi phí các khoản chi ủng hộ, tài trợ (tiền, hiện vật) cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 khi xác định thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp; (ii) Tiếp tục miễn giảm nhiều loại phí, lệ phí (theo các Thông tư của Bộ Tài chính: số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020, số 12/2021/TT-BTC ngày 8/2/2021); (iii) Gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất trong năm 2021 (theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ); và 12 chính sách hỗ trợ người lao động và doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ);...

2.2. Ngân hàng - Tín dụng

Năm 2021, các ngân hàng và tổ chức tín dụng (NH & TCTD) tiếp tục thực hiện các giải pháp tín dụng đồng bộ. Nhờ vậy, mặc dù chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19 nhưng tín dụng vẫn tăng và cải thiện hơn so với năm 2020. Tổng dư nợ tín dụng cuối năm 2021 tăng 16,9% so với thời điểm cuối năm 2020 (cao hơn đáng kể mức tăng 11,7% của năm 2020). Việc chia sẻ cùng khách hàng khắc phục những khó khăn do đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến các NH & TCTD, nợ xấu tăng lên gấp 2,14 lần so với thời điểm cuối năm 2020. Tuy nhiên, theo các chuyên gia, mức nợ xấu vẫn trong tầm kiểm soát do trong năm các ngân hàng tăng mạnh dự phòng rủi ro tín dụng, đồng thời với việc nền kinh tế dần phục hồi hậu giãn cách xã hội, nhiều khoản vay sẽ quay trở lại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn, vì vậy mức nợ xấu này sẽ không gây ra rủi ro cho hoạt động của các NH & TCTD.

Các NH & TCTD tiếp tục thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của NHNN tại các Quyết định số 1729/QĐ-NHNN, số 1730/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020 (có hiệu lực từ 01/10/2020) về lãi suất huy động và lãi suất cho vay các lĩnh vực ưu tiên nhằm đẩy mạnh lưu thông vốn tín dụng, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khôi phục sản xuất kinh doanh sau dịch bệnh, đồng thời áp dụng các gói ưu đãi lãi suất cho khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch, tiếp tục triển khai các chương trình giảm lãi suất đối với khoản vay hiện hữu theo chỉ đạo của Hội sở chính. Tháng 12/2021,

các NH & TCTD tiếp tục triển khai hiệu quả các biện pháp huy động vốn. Dự tính đến cuối tháng 12, tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn đạt 196.200 tỷ đồng, đều tăng so với tháng trước và so với cùng tháng năm trước, lần lượt là (+2,1%), (+15,8%); trong đó: Tiền gửi của cá nhân đạt 98.500 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất 50,2% tổng vốn huy động, lần lượt so với các gốc so sánh là (+1,3%), (+11,6%); tương tự, tiền gửi của các tổ chức đạt 93.400 tỷ đồng, chiếm 47,6%, (+4,1%), (+23,5%); riêng nguồn vốn huy động khác có mức giảm so với cả 2 gốc so sánh, đạt 4.300 tỷ đồng, chiếm 2,2%, (-19%), (-22,1%). Tỷ lệ tiền gửi trên 12 tháng chiếm khoảng 40% tổng nguồn vốn huy động, là tiền đề giúp các NH & TCTD trên địa bàn đảm bảo cung ứng một cách đầy đủ, kịp thời nhu cầu vốn của các doanh nghiệp và cá nhân trên địa bàn.

Các NH & TCTD trên địa bàn tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thống đốc NHNN, tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của ngành theo mục tiêu đã đề ra tại Chỉ thị 01/CT-NHNN của Thống đốc NHNN, đáp ứng kịp thời, đầy đủ vốn cho nền kinh tế, đặc biệt là để khôi phục và duy trì sản xuất cho các ngành, lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, lưu ý tiếp tục tập trung tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh; thực hiện các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Mặc dù dịch bệnh diễn biến phức tạp, song với tinh thần thực hiện mục tiêu kép phát triển kinh tế song song với phòng chống dịch bệnh và không để việc thiếu hụt vốn tín dụng làm đứt gãy chuỗi sản xuất. Dự tính đến cuối tháng 12/2021, tổng dư nợ cho vay trên địa bàn đạt 123.800 tỷ đồng, tăng 22,5% so với cuối năm trước, trong đó: Dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 81.800 tỷ đồng, tăng 26,8%, chiếm tỷ trọng 66,1%; Dư nợ cho vay trung, dài hạn đạt 42.000 tỷ đồng, tăng 14,8%, chiếm tỷ trọng 33,9%. Dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp trong toàn quốc cũng như tại tỉnh Bắc Ninh, vốn tín dụng NH & TCTD đã hỗ trợ mạnh mẽ cho các doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn do đại dịch, phục hồi sản xuất kinh doanh. Cơ cấu tín dụng vẫn duy trì theo hướng tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là những lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, của NHNN (như: cho vay hỗ trợ nhà ở, cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn, cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa, v.v.), chương trình Kết nối NH-DN, v.v), hỗ trợ tích cực DN và người dân, phù hợp với cơ cấu kinh tế của tỉnh, tỷ trọng dư nợ các lĩnh vực nông nghiệp-công nghiệp và xây dựng-thương mại dịch vụ tương ứng là 4,9%-37%-58,1%. Các NH & TCTD trên địa bàn tiếp tục tập triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm xử lý, thu hồi nợ xấu, đặc biệt xem xét giữ nguyên nhóm nợ đối với khách hàng chưa có khả năng trả

nợ đến hạn do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN và Thông tư 03/2021/TT-NHNN. Từ đầu năm đến nay, các chi nhánh NH, TCTD đã xử lý được khoảng 410 tỷ đồng nợ xấu, trong đó: khách hàng tự trả nợ 187 tỷ đồng, xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro 213 tỷ đồng, xử lý bằng nguồn khác 10 tỷ đồng. Kết quả trên đã thể hiện sự cố gắng, quyết tâm trong công tác xử lý nợ xấu tại các đơn vị. Tuy nhiên, ảnh hưởng của dịch bệnh do đó nợ tăng cao, dự kiến đến hết 30/12/2021, nợ xấu là 2.500, tỷ lệ nợ xấu là 2,02%.

2.3. Bảo hiểm

Trong năm, ngành BHXH đã đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, giao dịch điện tử, ứng dụng CNTT tạo thuận lợi cho người tham gia thụ hưởng chế độ, chính sách trong những thời điểm giãn cách, hạn chế tiếp xúc. Đặc biệt, các chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động trong lĩnh vực BHXH, BHYT của Quốc hội, Chính phủ được Ngành quyết liệt triển khai, kịp thời đi vào cuộc sống góp phần giúp người lao động, người sử dụng lao động vượt qua khó khăn...Tuy nhiên, bên cạnh đó công tác phát triển tham gia BHXH, BHTN, BHYT gặp những khó khăn thách thức, số người tham gia không đạt được kế hoạch đề ra.

Tính đến tháng 12, ước tính số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN là 1.371,8 nghìn người tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 94% dân số toàn tỉnh, trong đó: 1.359,5 nghìn người tham gia BHYT, tăng 0,4%; 409 nghìn người tham gia BHTN, giảm 4,5%; 419,7 nghìn người tham gia BHXH bắt buộc giảm 4,1%; 12,3 nghìn người tham gia BHXH tự nguyện tăng 9,9%.

Ước tính tổng số tiền thu BHXH, BHYT, BHTN cả năm 2021 là 10.566 tỷ đồng, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Thu BHXH bắt buộc là 7.660 tỷ đồng tăng 4,3%; thu BHXH tự nguyện là 66,5 tỷ đồng tăng 24,6%; thu BHYT là 2.227,8 tỷ đồng tăng 3,3%; thu BHTN là 611,9 tỷ đồng tăng 6,9%.

Về chi bảo hiểm trong kỳ, ước tính năm 2021 đã chi trả 5.028,3 tỷ đồng, giảm 9,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Chi BHXH là 3.791 tỷ đồng, giảm 9,6%; chi bảo hiểm y tế là 1.237,3 tỷ đồng giảm 9%.

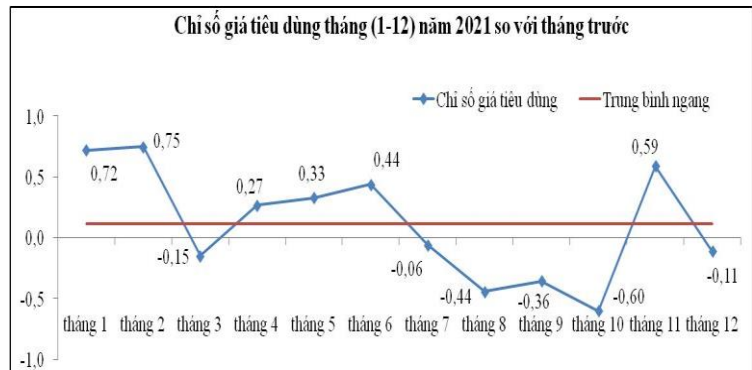
Trong năm, ngành BHXH đã kịp thời có các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho người lao động, người sử dụng lao động và cơ sở khám chữa bệnh do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. BHXH đã thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời kiểm tra, đôn đốc, phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do đại dịch Covid-19 tại các khu vực bị giãn cách xã hội.

3. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và đôla Mỹ

Trong năm 2021, bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, sức mua nhìn chung suy yếu nên cho dù một số mặt hàng thiết yếu có biến động tăng giá do tăng chi phí đầu vào; giá mặt hàng xăng dầu tăng do tác động từ giá thế giới tăng mạnh khi nhu cầu thế giới tăng...nhưng tính chung mặt bằng giá trong năm giữ ở mức ổn định, CPI bình quân cả năm tăng chưa tới 1%.

a) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Tháng 12: CPI so với tháng trước, có mức giảm chung (-0,11%), trong đó khu vực thành thị (-0,42%), khu vực nông thôn tăng nhẹ (+0,08%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu

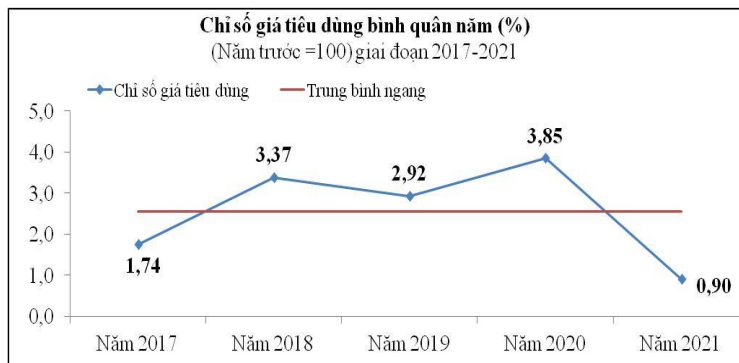


dùng chính thì có đến 05 nhóm có giá tăng, tăng cao nhất là nhóm đồ uống và thuốc lá (+0,69%) do giá rượu tăng mạnh; có 03 nhóm hàng hóa và dịch vụ giữ giá ổn định (thuốc và dịch vụ y tế; bưu chính viễn thông và giáo dục); còn lại 03 nhóm hàng có giá giảm trong đó nhóm giảm nhiều nhất là nhóm giao thông (-1,61%), do giá xăng dầu điều chỉnh giảm mạnh trong thời gian vừa qua. So với tháng 12/2020, CPI (+1,38%), trong các nhóm hàng tiêu dùng chính có 8 nhóm tăng giá và 3 nhóm giảm giá. Trong 8 nhóm tăng, nhóm giao thông tăng cao nhất (+12,69%) so với tháng 12/2020, chủ yếu do giá các loại nhiên liệu tăng cao (+46,08%); tiếp đó nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+6,13%) do giá điện (+13,54%) so với cùng kỳ năm trước; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép (+1,76%) do giá các mặt hàng mũ nón, giày dép và dịch vụ may mặc tăng lần lượt là (+1,89%); (+2,78%) và (+1,44%); 05 nhóm hàng còn lại (đồ uống và thuốc lá; thiết bị và đồ dùng gia đình; thuốc và dịch vụ y tế; bưu chính viễn thông; hàng hóa và dịch vụ khác) có mức tăng thấp hơn từ 0,22-1,53%. Ở chiều ngược lại, 3 nhóm hàng giảm giá: Nhóm hàng ăn uống và dịch vụ ăn uống (-3,08%) chủ yếu do giá thịt lợn giảm nhiều (-22,49%); nhóm giáo dục (-3,39%) do tỉnh Bắc Ninh vẫn đang thực hiện miễn thu học phí học kỳ I năm học 2021-2022 đối với học sinh các cấp mầm non, THPT và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; nhóm văn hóa, giải trí, du lịch (-3,12%) do hoạt động du lịch trọn gói bị hạn chế đối tượng khách dẫn đến giá giảm.

Quý IV, CPI tăng 1,09% so với quý IV/2020, có 7/11 nhóm hàng tăng giá, trong đó tăng cao nhất là nhóm giao thông (+14,41%), tiếp đó là nhà ở và vật liệu xây dựng (+5,53%); may mặc, giày dép và mũ nón (+1,61%); hàng hóa và dịch vụ

khác(+1,39%); thiết bị và đồ dung gia đình (+1,14%); đồ uống và thuốc lá (+0,47%) và nhóm thuốc và dịch vụ y tế (+0,27%). So với cùng kỳ năm trước có 4/11 nhóm hàng hóa dịch vụ có chỉ số giảm, trong đó: nhóm mặt hàng văn hóa, giải trí và du lịch giảm sâu nhất (-3,85%); hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-3,81%); giáo dục (-3,43%); bưu chính viễn thông (-0,01%).

Bình quân cả năm 2021, CPI trên địa bàn tỉnh (+0,9%) so với cùng kỳ năm trước. Giá xăng dầu, giá thực phẩm liên tục biến động; tỉnh Bắc Ninh áp dụng miễn thu học phí trên địa bàn tỉnh



trong học kỳ I năm học 2021-2022; giá du lịch trọn gói giảm do các hoạt động này bị hạn chế là những yếu tố làm CPI có mức tăng thấp. Trong 11 nhóm hàng có 6 nhóm hàng hóa dịch vụ có chỉ số tăng, nhóm giao thông tăng nhiều nhất (+6,9%) do giá nhiên liệu xăng, dầu tăng cao (+31,77%); tiếp đến là nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng (+4,51%), do giá gas tăng cao (+19,74%), giá điện (+8,2%). Bên cạnh các nhóm hàng tăng giá, các nhóm hàng giảm giá so với cùng kỳ năm trước đã tác động đến CPI 12 tháng đầu năm gồm có: Văn hóa, giải trí và du lịch giảm nhiều nhất (-5,46%) do hoạt động du lịch trọn gói bị hạn chế bởi ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19; hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-1,82%), do nhóm thịt gia súc (-9,58%), rau (-4,62%); bưu chính viễn thông (-0,74%), do nhu cầu về thiết bị điện thoại giảm; giáo dục (-0,6%) do Bắc Ninh thực hiện miễn học phí kỳ I năm học 2021-2022 các cấp học mầm non, THPT và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; đồ uống và thuốc lá (-0,2%) do giá rượu (-2,05%).

b) Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Tháng 12, chỉ số giá vàng giảm ở cả 2 góc so sánh, giảm 0,32% so với tháng trước và giảm 3,46% so với cùng tháng năm trước. Quý IV, giá vàng giảm 3,81% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, *tính chung cả năm 2021*, chỉ số giá vàng bình quân tăng 6,06% so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 12, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,78% so với tháng trước nhưng giảm 1,1% so với cùng tháng năm trước. Quý IV, giá đô la Mỹ giảm 1,65% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2021, chỉ giá đô la Mỹ bình quân giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước.

4. Đầu tư phát triển

Dịch bệnh Covid-19 trong năm 2021, buộc các địa phương trong tỉnh phải thực hiện giãn cách xã hội, nhất là các địa bàn có dịch. Các địa phương có dịch cũng bị động và phải ưu tiên về thời gian và nguồn lực con người, nguồn lực vật chất cho công tác chống dịch. Giá vật liệu xây dựng tăng do việc cung ứng, lưu thông hàng hóa, nguyên vật liệu, huy động nhân lực khó khăn khi phải thực hiện giãn cách xã hội... ảnh hưởng đến phương án tài chính khi triển khai dự án theo hợp đồng đã ký. Bất chấp những khó khăn, thách thức trong năm 2021, dòng vốn FDI vào tỉnh vẫn tăng cao, tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư.

4.1. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn

4.1.1. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh (VĐT thực hiện):

Quý IV, VĐT thực hiện theo giá hiện hành ước đạt 15.288 tỷ đồng, so với quý trước tăng 0,8% nhưng giảm 9,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn nhất tăng 2,7% nhưng giảm 5,7%.

Cả năm 2021, VĐT thực hiện theo giá hiện hành ước đạt 58.198 tỷ đồng, giảm 16,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: khu vực Nhà nước đạt 8.112 tỷ đồng giảm 4,3%; khu vực ngoài nhà nước đạt 23.505 tỷ đồng, giảm 11%; khu vực có vốn FDI đạt 26.250 tỷ đồng giảm 23,4%. Về cơ cấu vốn đầu tư thực hiện, khu vực Nhà nước và khu vực ngoài Nhà nước có xu hướng tăng lên qua các năm, riêng khu vực FDI giảm dần.

Tốc độ tăng và cơ cấu vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh cả năm 2021 so với cùng kỳ năm trước của giai đoạn 2017-2021 theo giá hiện hành (ĐVT: %)

| | Tổng số | Chia ra: | | |
|--------------------|---------|------------------|------------------------|--------------------|
| | | Khu vực Nhà nước | Khu vực ngoài Nhà nước | Khu vực có vốn FDI |
| Tốc độ tăng | | | | |
| Năm 2017 | 51,9 | -2,8 | 6,8 | 75,6 |
| Năm 2018 | -29,2 | 9,3 | 6,8 | -40,0 |
| Năm 2019 | -13,3 | 58,2 | 5,0 | -29,7 |
| Năm 2020 | -5,8 | 55,0 | -0,2 | -13,3 |
| Năm 2021* | -16,4 | 4,3 | -11 | 23,4 |
| Cơ cấu | | | | |
| Năm 2017 | 100 | 3,0 | 19,6 | 77,4 |
| Năm 2018 | 100 | 4,9 | 29,6 | 65,5 |
| Năm 2019 | 100 | 11,1 | 35,8 | 53,1 |
| Năm 2020 | 100 | 13,2 | 37,9 | 48,9 |
| Năm 2021* | 100 | 13,9 | 40,4 | 45,7 |

(*) Năm 2021 là số ước tính

4.1.2. *Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý (VĐT thực hiện nguồn NSNN):*

Tháng 12, VĐT thực hiện nguồn NSNN ước đạt 599 tỷ đồng, tăng 2,3% so với tháng trước và giảm sâu (-31,9%) so với cùng tháng năm trước. Trong quý IV/2021, VĐT thực hiện nguồn NSNN ước tính đạt 1.747 tỷ đồng, tăng 21,6% so với quý trước và giảm 28,6% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân do tác động của dịch Covid-19 và nhu cầu xây dựng giảm.

Cả năm 2021, VĐT thực hiện nguồn NSNN ước đạt 5.644 tỷ đồng, giảm 23,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh ước đạt 3.034 tỷ đồng, giảm 26%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện ước đạt 1.693 tỷ đồng, tăng 9,1%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 917 tỷ đồng, giảm 33,9%. Nguồn vốn chủ yếu được tiếp tục đầu tư một số ngành như: Giao thông; Giáo dục, Y tế; Văn hóa thông tin.

**Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý
năm 2021 phân theo huyện, thành phố**

| | Cả năm 2021 (Tỷ đồng) | So với kế hoạch vốn (%) | So với cùng kỳ (%) |
|--------------------|--------------------------|----------------------------|-----------------------|
| TỔNG CỘNG | 5.644 | 95,8 | 78,1 |
| Thành phố Bắc Ninh | 1.617 | 202,7 | 114,9 |
| Thành phố Từ Sơn | 790 | 112,3 | 89,3 |
| Huyện Yên Phong | 621 | 84,6 | 68,3 |
| Huyện Quế Võ | 860 | 99,8 | 138,6 |
| Huyện Tiên Du | 679 | 58,5 | 59,9 |
| Huyện Thuận Thành | 363 | 64,7 | 30,0 |
| Huyện Gia Bình | 302 | 46,3 | 84,7 |
| Huyện Lương Tài | 412 | 98,1 | 58,4 |

4.2. Thu hút đầu tư trong nước

Tính từ đầu năm đến 20/12/2021, toàn tỉnh đã cấp mới đăng ký đầu tư cho 58 dự án đầu tư với tổng số vốn đầu tư là 22.642 tỷ VNĐ (trong đó cấp Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư: 01 dự án với tổng mức đầu tư 98 tỷ đồng, Cấp mới 03 dự án hạ tầng KCN với tổng vốn đầu tư là 8.418 tỷ VNĐ); Cấp đăng ký đầu tư điều chỉnh cho 89 dự án đầu tư trong đó có 29 dự án điều chỉnh vốn với tổng số vốn điều chỉnh tăng 4.903 tỷ VNĐ; Điều chỉnh 01 lượt dự án cho nhà đầu tư hạ tầng KCN với tổng vốn đầu tư tăng thêm là 1.180 tỷ đồng tương đương 51,32 triệu USD; Thực hiện thu hồi 05 dự án đầu tư với tổng vốn đầu tư 413,7 tỷ đồng. Riêng trong tháng 12/2021, cấp mới đăng ký đầu tư cho 05 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 678 tỷ đồng; Cấp đăng ký điều chỉnh

cho 12 dự án đầu tư trong đó có 05 dự án điều chỉnh vốn với tổng số vốn điều chỉnh tăng 828 tỷ VNĐ; Cấp mới 01 dự án hạ tầng KCN với tổng vốn đầu tư là 2.848 tỷ VNĐ.

Lũy kế đến ngày 20/12/2021: Tỉnh Bắc Ninh đã cấp 1.491 dự án đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư sau điều chỉnh đạt 226.059 tỷ đồng (Trong đó: cấp Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư cho 35 dự án với tổng mức đầu tư 16.522 tỷ đồng; cấp đầu tư cho 17 dự án hạ tầng KCN nguồn vốn trong nước là 26.742 tỷ đồng).

4.3. Hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Bắc Ninh

Tính từ đầu năm đến ngày 20/12/2021, tỉnh Bắc Ninh đã thu hút được 131 dự án đăng ký cấp mới, giảm 17,6% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tổng vốn đăng ký đạt 1.204 triệu USD, tăng 41,6%, vốn đầu tư tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến chế tạo chiếm 89,1% tổng vốn đầu tư. Xét theo nước và vùng lãnh thổ vốn đầu tư tập trung chủ yếu ở các nước như: Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc; điều chỉnh vốn cho 104 dự án, với số vốn điều chỉnh tăng là 245 triệu USD, (giảm 01 dự án, giảm 220 triệu USD); góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp 80 lượt với giá trị là 158 triệu USD (giảm 135 lượt, tăng 60 triệu USD); thu hồi 45 dự án với tổng vốn đầu tư là 244 triệu USD (tăng 18 dự án, tăng 209 triệu USD). *Riêng trong tháng 12,* cấp mới đăng ký đầu tư cho 16 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 632 triệu USD; điều chỉnh vốn cho 11 dự án với số vốn điều chỉnh tăng là 34 triệu USD; 07 lượt ra thông báo chấp thuận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức kinh tế với giá trị là 2,4 triệu USD; thu hồi 04 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư là 3,7 triệu USD.

Lũy kế đến 20/12/2021, toàn tỉnh có 1.717 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký sau điều chỉnh và góp vốn mua, mua cổ phần, phần vốn góp đạt 21.243 triệu USD.

5. Tình hình hoạt động và xu hướng SXKD của doanh nghiệp

5.1. Tình hình đăng ký kinh doanh doanh nghiệp

Năm 2021, tình hình dịch Covid-19 phức tạp làm ảnh hưởng đến việc gia nhập thị trường của doanh nghiệp. Số doanh nghiệp thành lập mới trong năm mặc dù giảm về số lượng, nhưng tăng về vốn đăng ký so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng cao so với cùng kỳ; đây là những tín hiệu tích cực trong tình hình đăng ký doanh nghiệp cho thấy sự ủng hộ, tin tưởng của người dân và doanh nghiệp vào giải pháp chung của Chính phủ, sự điều hành của tỉnh nhanh chóng chuyển hướng chiến lược phòng, chống dịch Covid-19 sang thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả.

Tháng 12/2021, trên địa bàn tỉnh có 229 doanh nghiệp gia nhập thị trường với tổng số vốn đăng ký bổ sung là 4.158 tỷ đồng, so với tháng trước giảm 1,3% về số doanh nghiệp nhưng tăng gấp hơn 2 lần về tổng vốn đăng ký bổ sung, so với cùng tháng năm trước, tăng 7% về số doanh nghiệp và tăng 67,9% về số vốn đăng ký; vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp thành lập mới đạt 18,2 tỷ đồng, tăng gấp hơn 2 lần và tăng 56,9%; có 44 doanh nghiệp hoạt động trở lại, so với tháng trước giảm 4,3% và nhưng tăng 15,8%; có 66 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh, giảm 8,3% nhưng tăng 37,5%; 30 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, tăng 30% và tăng 7,1%.

Tính chung cả năm 2021, trên địa bàn tỉnh có 2.344 doanh nghiệp gia nhập thị trường (ngoài ra có 812 đơn vị trực thuộc) với tổng vốn đăng ký là 28.623 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước, giảm 1,9% về số doanh nghiệp nhưng tăng 18,7% về tổng vốn đăng ký bổ sung. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 12,2 tỷ đồng tăng 21%. Bên cạnh đó, còn có 682 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng 51,6%, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động cả năm 2021 lên 3.026 doanh nghiệp, tăng 6,5%. Trung bình mỗi tháng có 252 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số lượng doanh nghiệp gia nhập và quay trở lại thị trường tăng so với cùng kỳ năm trước là tín hiệu tốt. Tuy nhiên, so với cùng kỳ có 1.263 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (+30,7%), trong đó: 1.031 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động tăng 42,8%; 232 doanh nghiệp giải thể tự nguyện giảm 4,9%, trung bình mỗi tháng có 105 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường; 301 doanh nghiệp chuyển đổi loại hình giảm 2,6%. Như vậy, số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động vẫn gấp gần 2,4 lần số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường và giải thể. Điều đó cho thấy xu hướng phục hồi sản xuất kinh doanh có dấu hiệu lạc quan.

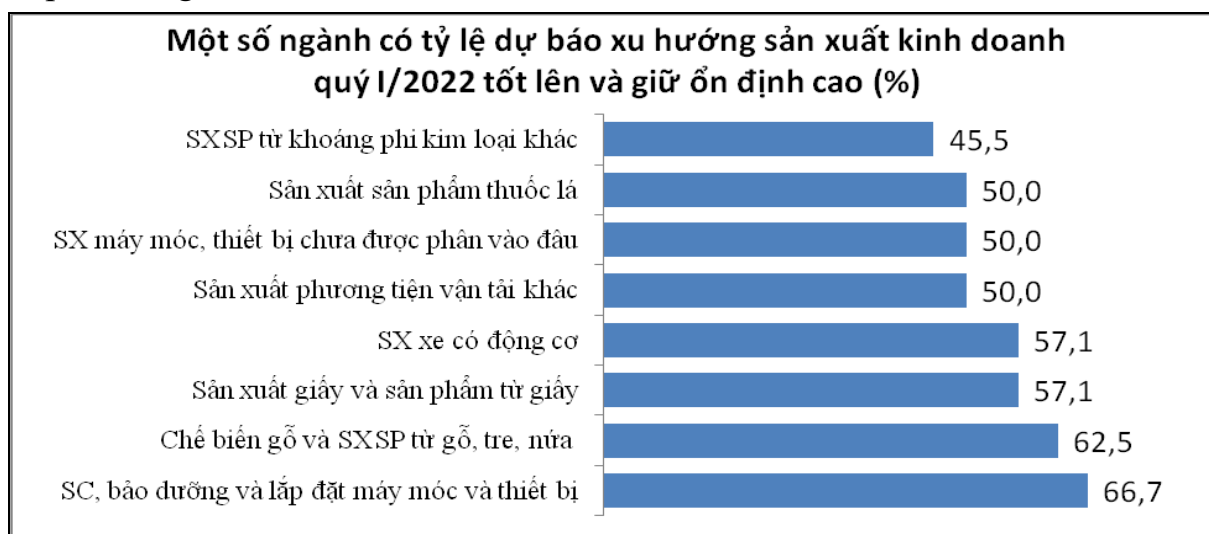
Lũy kế đến 20/12/2021, trên địa bàn tỉnh có 21.149 DN đã đăng ký, với tổng số vốn đăng ký là 327.763 tỷ đồng so với cùng thời điểm năm trước tăng 12% về số doanh nghiệp và tăng 15,3% về tổng số vốn đăng ký. Ngoài ra có 4.446 đơn vị trực thuộc, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước.

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, trong năm 2021, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã bộc lộ nhiều khó khăn. Các hoạt động lưu thông, vận chuyển hàng hóa, hành khách và nhiều lĩnh vực dịch vụ như y tế, giáo dục, ăn uống, lưu trú, du lịch, giải trí, nhà hàng, khách sạn... bị ảnh hưởng rõ rệt. Phần lớn các khó khăn là không tiêu thụ được sản phẩm đầu ra do bị ách tắc tại khâu lưu thông, vận chuyển; thiếu nguyên vật liệu đầu vào; giá

nguyên liệu đầu vào tăng cao; khó tiếp cận được nguồn vốn ngân hàng; phát sinh các chi phí thực hiện chống dịch; khó khăn trong việc bảo đảm nguồn thu nhập cho người lao động, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tiền thuê đất cao và thay đổi liên tục ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp...

5.2. Xu hướng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo.

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý IV cho thấy: Có 42,22% số DN đánh giá SXKD trong quý IV/2021 tốt hơn so với quý III/2021; 21,67% cho rằng giữ ổn định và 36,11% số DN đánh giá là khó khăn hơn³. Dự kiến quý I/2022, có 35,56% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên so với quý IV/2021; 25% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn và 39,44% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định. Trong đó, khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh lạc quan nhất với 79,12% số doanh nghiệp dự báo tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2022 tốt hơn và giữ ổn định so với quý IV/2021; tỷ lệ này ở khu vực doanh nghiệp Nhà nước là 71,43%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là 70,73%.



6. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Năm 2021, sản xuất nông nghiệp diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, năng suất cây trồng đạt khá, đặc biệt lúa đông xuân đạt năng suất cao nhất từ trước đến nay (66,35 tạ/ha), chăn nuôi lợn phục hồi và chăn nuôi gia cầm phát triển tốt, tổng đàn lợn và gia cầm năm 2021 ước tăng lần lượt là (+6,7%) và (+6,1%). Thủy sản và lâm nghiệp giữ ổn định.

³ Chỉ số tương ứng của quý III/2021: Có 28,73% số doanh nghiệp đánh giá tốt hơn quý trước; 25,41% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 45,86% số doanh nghiệp đánh giá khó khăn hơn.

6.1. Nông nghiệp

a) Trồng trọt

Năm 2021, ước tính diện tích lúa cả năm đạt 61.849,5 ha, giảm 1.532,1 ha so với năm trước do đất sản xuất nông nghiệp ở một số địa phương chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất xen kẹt và gần khu dân cư có khu công nghiệp bị ô nhiễm không canh tác được,...; năng suất lúa ước đạt 64,95 tạ/ha, tăng 1,2 tạ/ha, do diện tích gieo trồng giảm nên sản lượng lúa ước đạt 407,4 nghìn tấn, giảm 2,3 nghìn tấn.

Kết quả sản xuất lúa đông xuân toàn tỉnh đạt cao với năng suất 66,35 tạ/ha, tăng 1,43 tạ/ha so với vụ đông xuân năm 2020, nhờ chuyển dịch cơ cấu giống lúa mới có năng suất và cho giá trị kinh tế cao thay dần các giống lúa truyền thống. Sản lượng lúa đông xuân đạt 206,5 nghìn tấn, giảm 0,4 nghìn tấn so với vụ đông xuân năm trước, do diện tích gieo trồng năm nay đạt 31.117,31 ha, giảm 755,73 ha; trong đó, một số diện tích đất vùng trũng, đất xấu, ô nhiễm, đất xen kẹt khó canh tác nên nông dân đã bỏ hoang không gieo trồng.

Kết quả sản xuất lúa mùa tăng về năng suất nhưng do diện tích gieo trồng giảm nên sản lượng toàn vụ giảm. Diện tích gieo cấy lúa vụ mùa ước tính đạt 30.732,2 ha, giảm 776,4 ha so với vụ mùa năm trước, do một phần diện tích chuyển mục đích sử dụng khác; một phần chuyển đổi từ trồng lúa sang cây trồng khác hoặc kết hợp nuôi trồng thủy sản; còn lại một số diện tích ruộng trũng, xen kẹt giữa các khu dân cư, khu công nghiệp tưới tiêu, vận chuyển khó khăn nông dân bỏ không gieo cấy. Năng suất toàn vụ ước đạt 63,53 tạ/ha, tăng 0,96 tạ/ha; sản lượng ước đạt 195,25 nghìn tấn giảm 1,9 nghìn tấn.

Kết quả sản xuất hoa màu một số cây hằng năm: Sản lượng ngô đạt 5.675,2 tấn, giảm 1.235,6 tấn so với năm 2020 do diện tích gieo trồng giảm 235,2 ha; khoai lang đạt 1.506,6 tấn, giảm 65,1 tấn (diện tích giảm 12,3 ha); đậu tương đạt 530,2 tấn, giảm 78,5 tấn (diện tích giảm 40 ha); sản lượng lạc đạt 1.324,2 tấn, tăng 6,3 tấn (diện tích giảm nhẹ 2,9 ha nhưng năng suất tăng 0,3 tạ/ha); sản lượng rau các loại đạt 222.865 tấn, tăng 7.751 tấn (diện tích tăng 226,4 ha đồng thời năng suất cũng tăng 2 tạ/ha)

Diện tích trồng cây lâu năm cả năm 2021 ước tính đạt 2.513,3 ha, tăng 2,1% so với năm 2020, bao gồm nhóm cây ăn quả đạt 2.337,6 ha, tăng 2,2%; nhóm cây gia vị dược liệu lâu năm đạt 2,6 ha, giảm 0,4%; nhóm cây lâu năm khác đạt 173,1 ha, tương đương với năm trước. Trong nhóm cây ăn quả, cây chuối diện tích đạt 1.090,7 ha, tăng 2,2%, sản lượng đạt 33.170,3 tấn, tăng 5,5%; nhãn diện tích đạt 293,8 ha, giảm 1%, sản lượng đạt 1.676,4 tấn, giảm 0,7%.

b) Chăn nuôi và hoạt động phòng, chống dịch, chữa bệnh động vật

Hoạt động chăn nuôi: Chăn nuôi trâu, bò trên địa bàn tỉnh có xu hướng giảm do yếu tố khách quan tác động như quá trình đô thị hóa đã thu hẹp các đồng cỏ, các bãi chăn thả tự nhiên; diện biến dịch bệnh, thời tiết... cũng ảnh hưởng đến việc chăn nuôi của các hộ. Ước tính tháng 12, tổng số trâu toàn tỉnh tăng nhẹ 0,7% so với thời điểm năm trước; tổng số bò giảm 7,9%. Ước tính sản lượng thịt hơi năm nay đạt khá cao, sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng đạt 240 tấn, tăng 9,4% so với năm trước (quý IV đạt 55 tấn, tăng 9,6%); sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng 1.943 tấn, giảm 3,2% (quý IV đạt 481 tấn, giảm 8,3%); sản lượng sữa bò tươi đạt 1.373 tấn, giảm 3,8% (quý IV đạt 305 tấn, giảm 19,1%).

Tổng đàn và sản lượng gia cầm năm nay tiếp tục tăng do các hộ vẫn mở rộng quy mô chăn nuôi và khu vực doanh nghiệp phát triển tốt. Tuy nhiên do nhu cầu thị trường giảm, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên lượng gia cầm tồn đọng trong chuồng cao, dẫn tới tình trạng dư thừa nguồn cung, giá bán giảm nhiều gây thua lỗ. Ước tính tổng số gia cầm toàn tỉnh tháng 12 tăng 6,1% so với thời điểm năm 2020; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng cả năm đạt 21.434 tấn, tăng 9% so với năm 2020 (quý IV đạt 5.020 tấn, tăng 16,7%); sản lượng trứng gia cầm đạt 275,7 triệu quả, tăng 4,6% (quý IV đạt 63,1 triệu quả, giảm 3,5%).

Dịch tả lợn châu Phi và dịch tai xanh được khống chế khá tốt, đàn lợn tiếp tục phục hồi, nguồn cung thịt lợn được tăng cường, giá thịt lợn hơi xuất chuồng có xu hướng tăng nhẹ. Ước tính tổng số lợn toàn tỉnh tháng 12 tăng 6,7% so với thời điểm năm 2020; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng cả năm đạt 59.932 tấn, tăng cao 37,3% so với năm 2020 (quý IV đạt 13.675 tấn giảm 8,2%). Tuy nhiên, dịch tả lợn châu Phi hiện nay đang diễn biến phức tạp tại các tỉnh trên cả nước, các cơ quan chuyên ngành cần phối hợp với chính quyền cơ sở xử lý triệt để ổ dịch, kiểm soát, ngăn chặn dịch bệnh lây lan trên diện rộng.

Hoạt động phòng, chống dịch, chữa bệnh động vật năm 2021:

Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được kiểm soát kịp thời, tránh lây lan trên diện rộng bằng các biện pháp tiêu hủy số gia súc, gia cầm mắc bệnh và thực hiện ngay các biện pháp khoanh vùng dịch bệnh, khử trùng tiêu độc chuồng trại chăn nuôi, khu vực xung quanh hộ có dịch, các thôn, khu phố tại các xã, phường có dịch và các khu vực có nguy cơ cao. Tổng số đã sử dụng 1.140 lít hóa chất và 52,6 tấn vôi bột. Đồng thời, tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở, hộ chăn nuôi áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học. Triển khai tháng vệ sinh khử trùng tiêu độc trên địa bàn tỉnh từ ngày 20/12/2020 - 13/01/2021 và từ ngày 30/3/2021-30/4/2021 đã sử dụng trên

29.576 lít hóa chất, trên 1.204 tấn vôi bột, khử trùng được trên 65 triệu m² chuồng trại, đường làng, ngõ xóm, nơi họp chợ, các ổ dịch cũ, các hố chôn hủy xác gia súc, gia cầm, các điểm buôn bán, vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm và khu công cộng; vệ sinh thu dọn được hàng trăm tấn rác thải, đốt, ủ và chôn hủy. Thực hiện tiêm phòng đại trà đúng tiến độ, tỷ lệ tiêm đều đạt trên 80% tổng đàn. Công tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc.

6.2. Lâm nghiệp

Các ngành chức năng đã phối hợp chặt chẽ với các địa phương có rừng thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, công tác chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng đã trồng. Đồng thời, tích cực duy trì công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trong nhân dân, Duy trì tỷ lệ che phủ rừng 0,68%; tiếp tục triển khai các hạng mục trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng theo các dự án lâm nghiệp đúng tiến độ và nghiệm thu thanh toán kết quả trồng chăm sóc, bảo vệ rừng theo đúng qui định, cụ thể: Bảo vệ rừng: 378,7 ha, chăm sóc rừng: 3,5 ha của Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Ninh; chăm sóc rừng năm 2, 3, 4: 105 ha; chăm sóc băng xanh cảnh lửa các năm 2, 3, 4: 6 km của Chương trình đầu tư cải tạo, nâng cấp rừng phòng hộ tỉnh Bắc Ninh năm 2021). Trong quý IV, số cây lâm nghiệp trồng phân tán ước tính trồng được 22,5 nghìn cây, tăng gấp hơn 2 lần so với cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ khai thác đạt 844 m³, tăng 0,4%; sản lượng củi khai thác đạt 1.130 ste củi, giảm 28,4%.

Năm 2021, số cây lâm nghiệp trồng phân tán ước tính trồng được 130 nghìn cây, giảm 2% so cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ khai thác đạt 3.500 m³, giảm 10,4%; sản lượng củi khai thác đạt 3.868 ste củi, giảm 10,1%. Rừng ở tỉnh Bắc Ninh là rừng cảnh quan, môi trường không được phép khai thác. Do vậy gỗ, củi khai thác chủ yếu từ cây phân tán đến tuổi thu hoạch nằm trên các trục đường giao thông, trong vườn tạp của các hộ gia đình, bờ mương và một số tuyến đường cần giải phóng mặt bằng để nâng cấp.

Thực hiện thí điểm mô hình trồng măng Bát Độ dưới tán rừng (3,0 ha), mô hình trồng cây Cát Sâm dưới tán rừng (2,0 ha) tại huyện Tiên Du, Gia Bình, bước đầu thu được kết quả khả quan, cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên nơi thí điểm. Do thời tiết nắng nóng, khô hanh kéo dài, toàn tỉnh xảy ra 07 vụ cháy rừng với tổng diện tích là 5,02 ha, các vụ cháy rừng đều được phát hiện, xử lý kịp thời theo phương châm 4 tại chỗ nên không ảnh hưởng đến cây rừng; phát hiện và xử lý kịp thời 55,1 ha rừng trồng nâng cấp

bị nhiễm sâu ăn lá, sâu cuốn lá và sâu đục thân; phát hiện và xử phạt 09 vụ vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp (trong đó: xử phạt 11 đối tượng, phạt tiền 333 triệu đồng, tịch thu 81 cá thể động vật hoang dã thả về tự nhiên).

6.3. Thủy sản

Quý IV, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 11.509 tấn, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm các loại: cá 11.293 tấn, tăng 16,9%; tôm 62 tấn, giảm 11,9%; thủy sản khác 154 tấn, giảm 25,2%. Tính riêng, sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 11.290 tấn, tăng 17%; sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 219 tấn, giảm 24,4%.

Cả năm 2021, tổng sản lượng thủy sản ước tính đạt 39.626 tấn, tăng 2,3% so với năm trước, bao gồm: cá 38.567 tấn, tăng 2,6%; tôm 286 tấn, tăng 1,5%; riêng thủy sản khác 774 tấn, giảm 9,5%. Cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản cơ bản ổn định. Mặc dù bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, giá thức ăn tăng cao, vào tháng 2 có hiện tượng cá chuẩn bị thu hoạch trên các lồng bè tại xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong chết rải rác... Tuy nhiên ngành chức năng đã phối hợp tốt với các ngành các cấp, đơn vị địa phương thực hiện tốt công tác kiểm tra, quản lý chất lượng con giống, thức ăn thủy sản; hỗ trợ hiệu quả người dân về kỹ thuật, thông tin thị trường, kết nối tiêu thụ, do vậy sản lượng thủy sản nuôi trồng trong năm vẫn tăng 2,9% so với năm trước, trong đó sản lượng cá đạt 38.152 tấn, tăng 2,7%; thủy sản khác đạt 262 tấn, tăng 1,6%; riêng tôm đạt 130 tấn, giảm 7,3%.

- Khai thác thủy sản đang có xu hướng giảm dần hoạt động khai thác, do nguồn lợi thủy sản suy giảm, khai thác đánh bắt quá mức, gây cạn kiệt về nguồn lợi thủy sản như hoạt động đánh bắt quá mức của con người bằng phương tiện hủy diệt như điện, ngoài ra các hồ ao trên địa bàn tỉnh ngày càng bị thu hẹp do bị chuyển đổi mục đích sử dụng. Sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 1.082 tấn, giảm 8,3% so với năm trước, trong đó sản lượng cá 415 tấn, giảm 6%.

7. Sản xuất công nghiệp

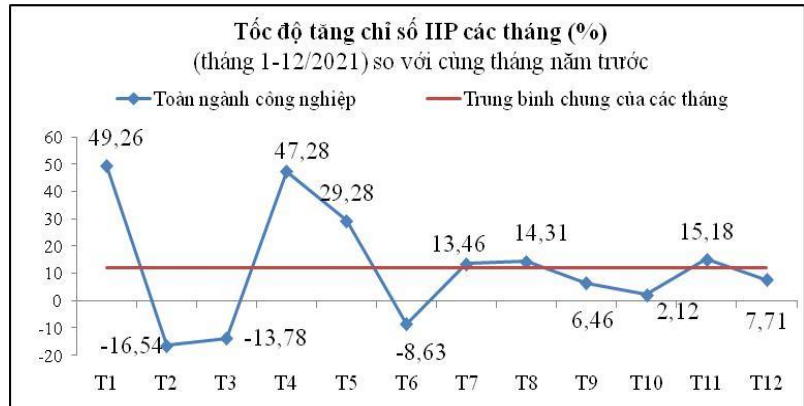
Năm 2021, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn có những gam màu sáng với tín hiệu tích cực từ một số ngành mũi nhọn, trong đó, công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục là đầu tàu cho tăng trưởng toàn ngành. Trong năm, do chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 cùng với việc áp dụng các biện pháp phòng dịch đã ảnh hưởng tới lưu thông hàng hóa, vật tư kéo theo sự gián đoạn của các chuỗi cung ứng và tác động tới hoạt động SXKD của các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất công nghiệp. Tuy nhiên, việc tham gia các FTA đã góp phần thúc đẩy

sản xuất công nghiệp, tính chung cả năm 2021, chỉ số IIP vẫn duy trì đà tăng 9,67% so với cùng kỳ năm 2020.

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp năm 2021 ước tính tăng 9,92% so với năm trước (quý I tăng 4,54%; quý II tăng 17,78%; quý III tăng 13,3%; quý IV tăng 6,76%). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,03% (quý I tăng 4,62%; quý II tăng 18,05%; quý III tăng 13,46%; quý IV tăng 6,78%).

7.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

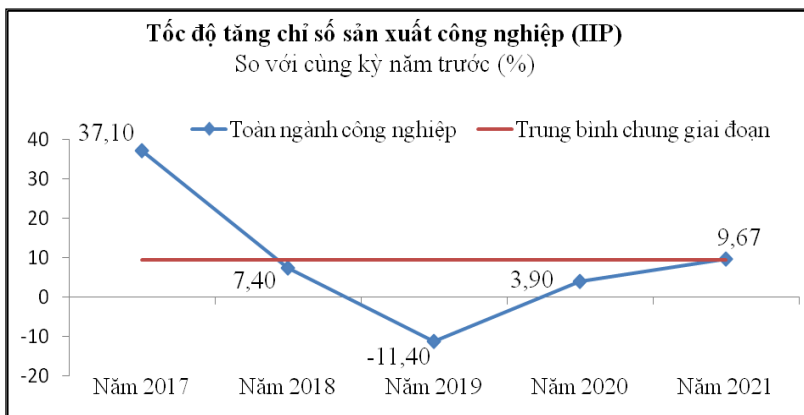
Tháng 12, IIP tăng (+5,41%) so với tháng trước và tăng (+7,71%) so với cùng tháng năm trước, sau tháng 11 đạt mức cao hơn đường trung bình chung một tháng của 12 tháng qua thì sang



tháng 12 lại tiếp tục đạt mức thấp, đi dưới của đường trung bình chung một tháng. Nguyên nhân do tháng 12/2020 đạt mức tăng IIP cao đột biến (59,8%).

Quý IV, IIP tăng thấp nhất trong 4 quý, đạt mức tăng 8,1% với cùng kỳ năm trước do cùng kỳ năm trước đạt mức tăng rất cao (quý IV/2020 tăng 22,4%), trong đó ngành công nghiệp chủ lực SXSP điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 8,6%.

Tính chung cả năm 2021, IIP đạt mức tăng 9,67% so với cùng kỳ năm trước đồng thời vượt trên mức tăng trung bình chung một năm của 5 năm qua, trong đó, diễn biến ở một số ngành có



sự khác nhau: Ngành công nghiệp chế biến chế tạo (+9,72%); sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng (+4,51%); riêng ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải vẫn tiếp tục bị giảm (-3,3%). Chỉ số sản xuất cả năm 2021 của ngành trọng điểm là ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học có mức tăng khá cao (+10,39%).

7.2. Sản phẩm công nghiệp

Hiện nay, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 tiếp tục có diễn biến phức tạp. Để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp với nguyên tắc sản xuất phải an toàn, an toàn để sản xuất. Các doanh nghiệp với vai trò là chủ thể của quá trình phục hồi sản xuất kinh doanh đã phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh, thống nhất phương án sản xuất lưu thông hàng hóa, đi lại và ăn ở của người lao động, phương án bảo đảm an toàn tuyệt đối, phòng, chống dịch trong tình hình dịch bệnh còn diễn biến phức tạp, vừa duy trì sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo an toàn phòng chống dịch theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Một số sản phẩm chủ lực trong tháng 12/2021 như sau:

Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh trong tháng 12

| | Đơn vị tính | Ước tính tháng 12 năm 2021 | Tháng 12/2021 so với tháng 11/2021 (%) | Tháng 12/2021 so với tháng 12/2020 (%) |
|--|----------------|----------------------------------|---|--|
| 1. Máy in-copy, in bằng công nghệ in phun có kết nối | 1000 cái | 1.014 | 100,4 | 74,1 |
| 2. Điện thoại di động thường | 1000 cái | 5.468 | 101,0 | 94,2 |
| 3. Điện thoại thông minh (Smartphone) | 1000 cái | 4.678 | 93,8 | 134,2 |
| 4. Đồng hồ thông minh | 1000 cái | 2.026 | 77,2 | 165,5 |
| 5. Màn hình điện thoại | 1000 cái | 629 | 132,4 | 71,5 |
| 6. Linh kiện điện tử | Tỷ đồng | 57.725 | 111,7 | 104,1 |
| 7. Pin điện thoại các loại | 1000 viên | 13.039 | 88,8 | 99,8 |

Quý IV, có 13/24 sản phẩm chủ yếu của tỉnh có mức tăng so với quý trước, trong số các sản phẩm chủ lực của tỉnh tăng cao nhất là sản phẩm điện thoại di động thường (+34%); giảm nhiều nhất là đồng hồ thông minh (-21,7%). So với cùng kỳ năm trước trong số các sản phẩm chủ lực có 4 sản phẩm đạt mức tăng là: Điện thoại thông minh, đồng hồ thông minh, linh kiện điện tử, và pin điện thoại với mức tăng lần lượt là (+12,4%), (+35,7%), (+9,7%) và (+2,4%). Tuy nhiên vẫn có 3 sản phẩm công nghiệp chủ lực có mức giảm là: Máy in, điện thoại di động thường và màn hình điện thoại với mức giảm lần lượt là (-17,7%), (-11,9%) và (-35,2%)

Năm 2021, một số sản phẩm công nghiệp chủ lực ước đạt mức tăng, thậm chí tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Điện thoại di động thường (+8,5%); đồng hồ thông minh (+27%); linh kiện điện tử (+29,6%); pin điện thoại (+4,6%). Ở chiều ngược lại có 3 sản phẩm công nghiệp chủ lực đạt mức giảm là: Máy in (-30,2%); điện thoại thông minh (-1,4%); màn hình điện thoại giảm rất nhiều (-51%).

7.3. Chỉ số tiêu thụ sản phẩm, chỉ số tồn kho của ngành công nghiệp chế biến chế tạo.

Tháng 12, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm nhẹ 0,1% so với tháng trước nhưng tăng khá cao 16,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành công nghiệp chủ lực SXSP điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 0,2% và tăng 29,4%. *Tính chung cả năm 2021*, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 6,3% so với năm trước, trong đó ngành công nghiệp chủ lực SXSP điện tử, máy vi tính và SP quang học giảm -9,7%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao so với cùng thời điểm năm trước: Trang phục (+45,2%); SX thuốc, hoá dược và dược liệu (+37,5%).

Những chính sách hỗ trợ của Nhà nước đã phát huy tác dụng trong năm 2021, mức tiêu thụ sản phẩm của một số ngành tăng hơn đã giúp chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính thời điểm cuối tháng 12 giảm nhẹ 1,4% so với tháng trước và giảm nhiều 28,7% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm 2020 tăng 20,5%), trong đó ngành công nghiệp chủ lực SXSP điện tử, máy vi tính và SP quang học giảm nhiều 42,9%, đã kéo mức tồn kho của toàn công nghiệp chế biến chế tạo giảm xuống. Tuy nhiên cũng có một số ngành có chỉ số tồn kho tăng nhiều thậm chí tăng đột biến như: Chế biến gỗ và SXSP từ gỗ, tre nứa tăng gấp hơn 10 lần; SX giường tủ bàn ghế tăng gấp hơn 3 lần; sản xuất trang phục tăng gấp hơn 2 lần.

7.4. Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/12/2021, so với tháng trước tăng 1,54% nhưng giảm 3,6% so với cùng thời điểm năm trước. Xét theo loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp Nhà nước so với cùng thời điểm tháng trước và cùng thời điểm năm trước lần lượt là (+0,36%) và (-1,55%); doanh nghiệp ngoài Nhà nước (+0,18%) và (-2,46%); doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (+1,83%) và (-3,87%). Tại thời điểm trên, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (+1,54%) nhưng (-3,71%); ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hòa không khí giữ nguyên và (+1,32%); ngành cung cấp nước và hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+1,98%) và (+2,69%).

Tính chung cả năm 2021, chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp so với cùng kỳ năm trước giảm 5,45%, trong đó, lao động làm việc trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo (-5,45%); ngành cung cấp nước và hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (-1,4%); riêng ngành sản xuất và phân phối

điện, khí đốt, nước nóng và điều hòa không khí (+2,41%). Xét theo loại hình doanh nghiệp, cả 3 loại hình đều có chỉ số giảm: Lao động làm việc trong doanh nghiệp Nhà nước (-0,23%); doanh nghiệp ngoài Nhà nước (-2,02%); doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (-6,25%).

8. Hoạt động dịch vụ

8.1. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Do tác động của dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và kéo dài tại nhiều địa phương trong tỉnh, đã ảnh hưởng đến tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ du lịch lữ hành, dịch vụ lưu trú và ăn uống đều giảm mạnh, người dân thắt chặt chi tiêu, nhu cầu chủ yếu tập trung vào các hàng hóa thiết yếu như lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm phục vụ đời sống hằng ngày

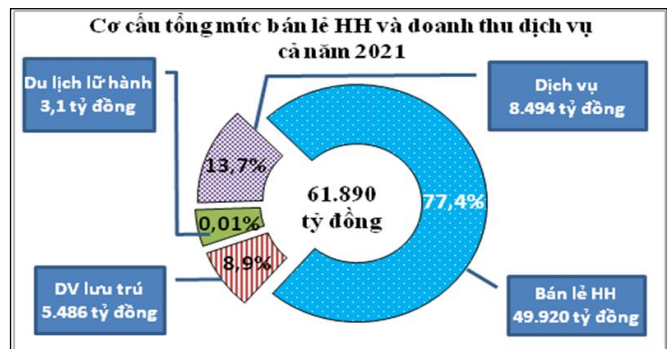
Tháng 12, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 6.315 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 7%, so với cùng tháng năm trước giảm 2%. Quý IV, do tình hình dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, làm ảnh hưởng đến hoạt động thương mại dịch vụ, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng mặc dù tăng 23,7% so với quý trước nhưng giảm 6,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 61.903 tỷ đồng, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 giảm 4%)

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| | Ước tính tháng 12 năm 2021 | Ước tính quý IV năm 2021 | Ước tính cả năm, năm 2021 | Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%) | | |
|---------------------|----------------------------|--------------------------|---------------------------|---|-----------------|-------------|
| | | | | Tháng 12 năm 2021 | Quý IV năm 2021 | Cả năm 2021 |
| TỔNG SỐ | 6.315,2 | 17.827,9 | 61.902,9 | 98,0 | 93,8 | 99,3 |
| Bán lẻ hàng hóa | 4.880,8 | 13.737,5 | 47.920,0 | 97,0 | 93,6 | 100,7 |
| DV lưu trú, ăn uống | 582,5 | 1.641,6 | 5.485,8 | 110,6 | 101,9 | 101,6 |
| Du lịch lữ hành | - | - | 3,1 | - | - | 30,7 |
| Dịch vụ khác | 851,8 | 2.448,9 | 8.494,1 | 96,8 | 90,3 | 91,0 |

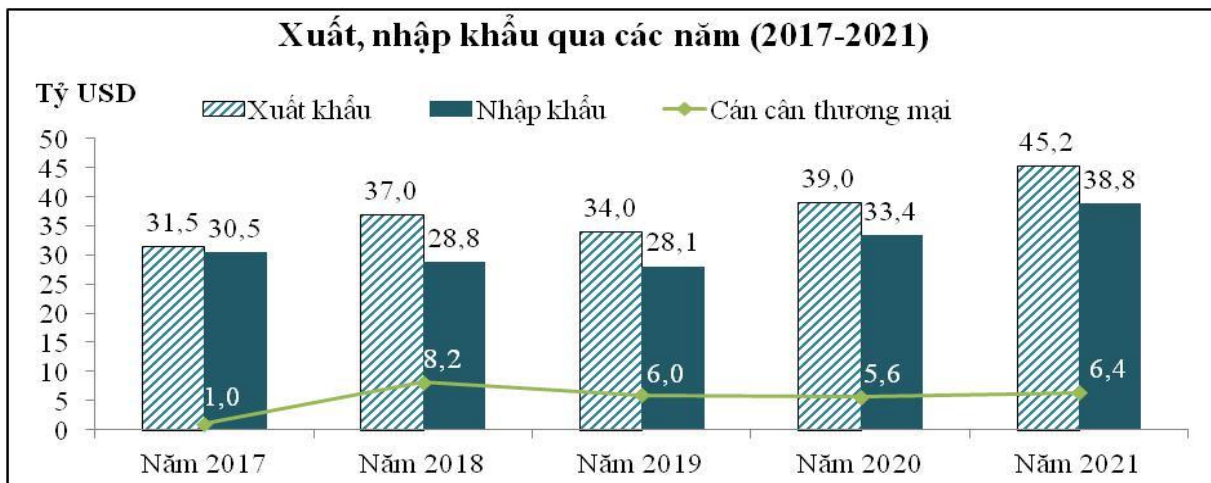
Xét theo ngành hoạt động: Doanh thu bán lẻ hàng hóa, cả năm 2021 ước đạt 47.920 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất 77,4% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước,



trong doanh thu bán lẻ hàng hóa, chỉ có 4/12 nhóm hàng có chỉ số tăng với mức tăng từ 6,2-12,4%, trong đó tăng cao nhất là nhóm hàng hóa lương thực thực phẩm. Có tới 8/12 nhóm hàng có chỉ số giảm, trong đó giảm sâu nhất là nhóm hàng hóa ô tô các loại giảm 33,3%; *doanh thu du lịch lữ hành*, giảm 69,3%; *dịch vụ khác*, giảm 9%; riêng *dịch vụ lưu trú, ăn uống* tăng 1,6%.

8.2. Xuất, nhập khẩu

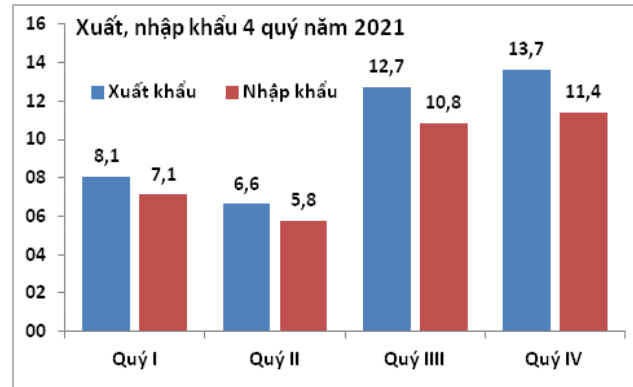
Xuất, nhập khẩu tiếp tục là một điểm sáng của nền kinh tế, không chỉ kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tăng trưởng tích cực, mà cán cân thương mại hàng hóa cũng cùng xu thế đó. Nhóm hàng điện thoại, linh kiện điện thoại duy trì xu hướng tăng trưởng tốt khi doanh nghiệp bán mạnh các mẫu điện thoại mới. Tận dụng tối đa lợi thế từ các FTA đã có hiệu lực, trong đó, kỳ vọng hai thị trường chính Mỹ và Trung Quốc cũng như động lực mới từ thị trường EU. Cán cân thương mại hàng hóa cả năm 2021 ước tính xuất siêu 6.402 triệu USD.



Xuất khẩu hàng hóa: Tháng 12, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 4.608 triệu USD, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng kỳ năm trước lần lượt là (+7,3%) và (+4,3%), trong đó các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm tỷ trọng chủ yếu 99,7%, có mức tăng tại 2 gốc so sánh là (+7,3%) và (+4,3%). Về mặt hàng xuất khẩu, điểm sáng là mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện chiếm tỷ trọng chủ yếu 83,7%, đều tăng ở cả 2 gốc so sánh là (+6,4%) và (+20,5%), tuy nhiên mặt hàng máy tính và linh kiện chiếm tỷ trọng 13,2% chỉ sau mặt hàng điện thoại và linh kiện so với cùng tháng năm 2020 lại giảm rất nhiều 63,6%, do vậy tháng 12/2021 so với cùng tháng năm trước tăng không cao. Quý IV, kim ngạch xuất khẩu theo xu hướng với hoạt động sản xuất công nghiệp các mặt hàng xuất khẩu có xu hướng tăng chậm lại, ước tính xuất khẩu trong quý đạt 13.654 triệu USD, tăng 7,4% so với quý trước và tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2021, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 45.249 triệu USD, vượt 24% kế hoạch năm 2021, đồng thời tăng khá cao 15,7%

so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là bệ đỡ cho hoạt động xuất khẩu đạt mức tăng rất cao 19,3%, ở chiều ngược lại các doanh nghiệp trong nước lại giảm nhiều 14,7%. Xét theo mặt hàng xuất khẩu: Nổi bật vẫn là mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện chiếm tỷ trọng lớn nhất có mức tăng rất cao 26,6%, ngoài ra mặt hàng nguyên liệu hàng dệt may và da giày tuy chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng có mức tăng cao nhất 63,5%. Tuy nhiên, có một số sản phẩm giảm rất sâu như: Sản phẩm từ chất dẻo, gỗ và sản phẩm bằng gỗ lần lượt giảm là (-98,1%) và (-98,9%).

Nhập khẩu hàng hóa: Tháng 12, nhập khẩu có xu hướng tăng lên do nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất các tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 4.176 triệu USD, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng kỳ năm trước lần lượt là (+9,6%) và



(+14,3%), trong đó các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm tỷ trọng chủ yếu có mức tăng ở các gốc so sánh lần lượt là (+9,8%) và (+16,9%); về mặt hàng nhập khẩu linh kiện điện tử, điện thoại chiếm tỷ trọng nhiều nhất đều tăng tại 2 gốc so sánh lần lượt là (+9,2%) và (+28,8%). *Quý IV,* cùng xu hướng với hoạt động xuất khẩu, hoạt động nhập khẩu trong quý tăng chậm lại so với các quý trước đó, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 11.418 triệu USD tăng 5,3% so với quý trước và tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước. *Tính chung cả năm 2021,* kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 38.846 triệu USD, vượt 20,3% kế hoạch năm 2021, tăng 16,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lượng nhập khẩu tăng 16,9% so với cùng kỳ năm trước. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là linh kiện điện tử, điện thoại tăng cao 27,6%. Ngoài ra có một số mặt hàng tăng đột biến như: TAGS & NPL chế biến tăng 63,1%; NPL dược phẩm và dược phẩm tăng gấp hơn 2 lần; sắt thép các loại tăng gấp hơn 2,3 lần; kim loại thường khác tăng 80,1%.

Cán cân thương mại: Tháng 12, xuất siêu 447 triệu USD. *Quý IV,* xuất siêu 2.235 triệu USD. *Tính chung cả năm 2021,* xuất siêu ước tính 6.402 triệu USD, bằng 14,1% kim ngạch xuất khẩu, trong đó các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xuất siêu 6.831 triệu USD, ở chiều ngược lại các doanh nghiệp trong nước nhập siêu 428,8 triệu USD.

9. Vận tải và viễn thông

Dịch Covid-19 là nguyên nhân khiến hoạt động kinh doanh vận tải kết quả đạt được rất thấp, trong đó vận tải hành khách thuộc nhóm bị ảnh hưởng nặng nề do phải thực hiện các biện pháp phòng dịch; vận tải hàng hóa ít bị ảnh hưởng hơn nhưng vẫn bị giảm do hàng hóa lưu thông khó khăn hơn; riêng hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải vẫn đạt mức tăng cao, cùng xu hướng với hoạt động xuất, nhập khẩu; hoạt động bưu chính, viễn thông nhìn chung ổn định và có đóng góp rất tích cực cho sự duy trì, phát triển kinh tế - xã hội.

9.1. Hoạt động vận tải

9.1.1. Sản lượng vận tải

Vận tải hành khách: Tháng 12, khối lượng vận chuyển ước đạt 1.030 nghìn lượt HK, so với tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+3,4%) nhưng (-41,9%); khối lượng luân chuyển ước đạt 44,9 triệu lượt HK.km, (+4,2%) nhưng (-46,4%). Quý IV, khối lượng vận chuyển ước đạt 2.968 nghìn lượt HK, so với quý trước và cùng kỳ năm trước lần lượt là (+56,1%) nhưng (-43,9%); khối lượng luân chuyển ước đạt 127,9 triệu lượt HK.km, (+41,8%) nhưng (-48,5%). Tính chung cả năm 2021, khối lượng vận chuyển ước đạt 10.321 nghìn lượt HK, giảm 43,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 giảm 37,7%); khối lượng luân chuyển ước đạt 479,4 triệu lượt HK.km, giảm 43,4% cùng kỳ năm 2020 giảm 34,6%).

Xét theo ngành vận tải, trong năm 2021 đều giảm mạnh so với cùng kỳ cả ngành đường bộ và đường sông chịu thiệt hại nặng nề do dịch Covid-19.

Vận tải hành khách cả năm 2021 phân theo ngành vận tải

| | Số lượt hành khách | | So với năm trước (%) | |
|----------------|--------------------------|---------------------------|----------------------|----------------|
| | Vận chuyển (nghìn HK) | Luân chuyển (Triệu HK) | Vận chuyển | Luân chuyển |
| TỔNG SỐ | 10.321,3 | 479,4 | 56,9 | 56,6 |
| Đường bộ | 9.857,4 | 479,1 | 57,5 | 56,6 |
| Đường sông | 463,6 | 0,34 | 45,8 | 48,2 |

Vận tải hàng hóa: Tháng 12, khối lượng vận chuyển ước đạt 3,4 triệu tấn hàng hóa, so với tháng trước và cùng kỳ năm trước lần lượt là (+1,9%) nhưng (-7,6%); khối lượng luân chuyển ước đạt 188,4 triệu tấn.km, (+1,4%) và (+1,9%). Quý IV, khối lượng vận chuyển ước đạt 9,96 triệu tấn hàng hóa, so với quý trước và cùng kỳ năm trước lần lượt là (+24,4%) nhưng (-8,7%); khối lượng luân chuyển ước đạt 545,5 triệu tấn.km, (+23,8%) nhưng (-0,4%). Tính chung cả năm 2021, khối lượng vận chuyển ước đạt 37,8 triệu tấn hàng hóa, giảm 8,9% so

với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 giảm 3,8%); khối lượng luân chuyển ước đạt 1.839 triệu tấn.km, giảm 4,3% (cùng kỳ năm 2020 giảm 3,8%).

Vận tải hàng hóa cả năm 2021 phân theo ngành vận tải

| | Sản lượng hàng hóa | | Năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%) | |
|----------------|---------------------------|----------------------------|---------------------------------------|-------------|
| | Vận chuyển (Triệu tấn) | Luân chuyển (Triệu tấn) | Vận chuyển | Luân chuyển |
| TỔNG SỐ | 34,8 | 1.389,4 | 91,1 | 95,7 |
| Đường bộ | 25,9 | 793 | 89,2 | 87,9 |
| Đường sông | 8,9 | 1076,2 | 97,0 | 102,1 |

9.1.2. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Tháng 12, ước tính doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 833,9 tỷ đồng, so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước lần lượt là (+5,2%) và (+25,5%). Quý IV, ước tính đạt 2.356 tỷ đồng, so với quý trước và cùng kỳ năm trước, lần lượt (+35,1%) và (+20,1%). Tính chung cả năm 2021, ước tính doanh thu vận tải đạt 7.638 tỷ đồng, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước. Xét theo loại hình kinh tế: Nhà nước tăng 12,4%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 38,6%; riêng khu vực ngoài Nhà nước giảm 12,3%. Xét theo ngành vận tải, chỉ có ngành dịch vụ hỗ trợ vận tải có mức tăng là 42%; còn lại ngành vận tải hành khách vẫn giảm rất sâu (-46,3%); do bị ảnh hưởng của dịch Covid-19; vận tải hàng hóa ít bị ảnh hưởng hơn nên (-5%).

9.2. Hoạt động thông tin truyền thông

Lĩnh vực thông tin truyền thông: chú trọng tăng cường chuyển đổi số, nâng cao năng lực tiếp cận, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, dùng chung cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, tăng cường sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số chuyên dùng, hiện đại hóa nền hành chính, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ di động để xử lý kịp thời phản ánh kiến nghị của nhân dân⁴. Cập nhật tình hình và công tác phòng chống, dịch Covid-19, ra mắt Bản đồ dịch bệnh... Áp dụng hiệu quả việc họp trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp xã; triển khai đồng bộ hệ thống quản lý văn bản và điều hành, kết nối liên thông với trực văn bản điều hành quốc gia

⁴ Đến nay, 100% cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, cấp huyện; 75% UBND cấp xã đã tạo lập hồ sơ công việc trên Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành dùng chung có ký số với 14.328 tài khoản thư điện tử công vụ. Phê duyệt 122 danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 10 Sở, ban, ngành thực hiện “5 tại chỗ” tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và 01 danh mục TTHC thực hiện tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Tổng số dịch vụ công là 1.956, trong đó DVC mức độ 3 là 397 chiếm 20,2%; mức độ 4 là 677 chiếm 34,6%, tích hợp 807 DVC lên Cổng DVC quốc gia vượt chỉ tiêu so với Nghị quyết 17 của Chính phủ và là một trong những tỉnh nằm trong top đầu; Tổng hồ sơ nộp trực tuyến mức độ 3,4 trên Cổng DVC của tỉnh 21.259 hồ sơ.

ở cả 4 cấp chính quyền. Bảo đảm an toàn thông tin, giám sát hệ thống, xử lý mã độc, sẵn sàng ứng phó hiệu quả với các sự cố gây mất an toàn, an ninh mạng. Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) năm 2020 đứng thứ 3/63 tỉnh, thành phố.

Thực hiện tốt quy hoạch, phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin hiện đại, chuyển đổi các trạm BTS; tiếp tục triển khai mạng 5G tại khu công nghiệp Yên Phong. Nâng cao chất lượng thông tin và truyền thông, quản lý báo chí, xuất bản và tuyên truyền kịp thời, liên tục và hiệu quả tạo sự đồng thuận toàn xã hội⁵.

10. Các vấn đề xã hội

10.1. Lao động và việc làm, đảm bảo an sinh xã hội

10.1.1. Lao động và việc làm

Công tác lao động và giải quyết việc làm được quan tâm, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 28.000 người lao động, tăng 1,8% so với năm 2020. Tuyển sinh học nghề 56.000 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 76%. Tăng cường các biện pháp phòng chống dịch bệnh đối với công nhân, người lao động cả trong và ngoài các khu, cụm công nghiệp. Vận động, ủng hộ Quỹ phòng, chống Covid-19 hơn 546,8 tỷ đồng; kịp thời hỗ trợ các doanh nghiệp, người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; trong đó, hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ⁶ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ⁷, Quyết định số 331/QĐ-UBND của UBND tỉnh⁸ với tổng kinh phí trên 176 tỷ đồng.

10.1.1. Đảm bảo an sinh xã hội

Công tác an sinh, phúc lợi xã hội được đảm bảo; đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, thăm hỏi, chăm sóc các đối tượng người có công với cách mạng, người cao tuổi, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh khó khăn, dịp tết Nguyên đán tổ chức thăm và tặng 68.891 lượt người có công và thân nhân người có công, với tổng kinh phí trên 46 tỷ đồng; thăm, tặng 81.811 lượt suất quà tặng người có công, tổng kinh phí 48,3 tỷ đồng; tặng 7.310 suất quà tết cho các hộ nghèo. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà các nạn nhân dịp kỷ niệm 60 năm Thảm họa đả cam ở Việt Nam (10/8/1961 - 10/8/2021)... Đẩy

⁵ Ước tính năm 2021, tổng số thuê bao điện thoại khoảng 2.211.000 thuê bao, đạt mật độ 154 thuê bao/100 dân. Thuê bao Internet các loại ước đạt 1.060.500 thuê bao; mật độ đạt 74 thuê bao/100 dân. Tổng số thuê bao truyền hình trả tiền là 140.000 thuê bao, mật độ đạt 10 thuê bao/100 dân. Tổng số trạm BTS hơn 3.080 trạm các loại (2G, 3G, 4G, 5G) với tổng cộng hơn 1.275 cột BTS. Doanh thu năm 2021 ước đạt hơn 1.900 tỷ đồng.

⁶ Về một số chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19

⁷ quy định về chính sách thực hiện một số Chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

⁸ Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người lao động không có giao kết hợp đồng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

nhanh tiến độ hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo và hộ người có công theo Đề án được duyệt; đến nay có 578/684 nhà ở hộ người có công (đạt 85% kế hoạch) đã khởi công và hoàn thành, hỗ trợ về nhà ở cho 135/195 hộ nghèo.

Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em tiếp tục thực hiện tốt; thăm, tặng 2.261 suất quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn dịp đón Xuân Tân Sửu, tổng kinh phí 837,8 triệu đồng; hỗ trợ 2.000 trẻ em ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 với số tiền 1,5 tỷ đồng. Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030. Đẩy mạnh các hoạt động, công tác phòng chống ma túy, mại dâm.

10.2. Hoạt động y tế, phòng, chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Công tác y tế dự phòng từng bước được nâng cao chất lượng; trong năm 2021 đã triển khai quyết liệt, chủ động, linh hoạt các biện pháp phòng, chống đại dịch Covid-19, cập nhật kịp thời theo đúng các chỉ đạo mới nhất của Trung ương Đảng, Chính phủ, hướng dẫn của các bộ, ngành, tăng cường ở tất cả các tuyến, nhất là y tế cơ sở. Xây dựng kế hoạch đảm bảo công tác y tế đối với các tình huống dịch bệnh nhằm sẵn sàng nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo kịp thời.

Công tác chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh được đảm bảo, tiếp tục triển khai kết hợp khám chữa bệnh y học cổ truyền và y học hiện đại; quy trình, thủ tục khám chữa bệnh được cải tiến, chất lượng dịch vụ y tế được nâng lên⁹; xây dựng Đề án Ứng dụng phát triển kỹ thuật cao ngành Y tế Bắc Ninh giai đoạn 2022-2026. Tiếp tục triển khai hội chẩn, tư vấn khám chữa bệnh từ xa, kết nối các điểm cầu giữa bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế tuyến huyện và trạm y tế xã.

Công tác tiêm chủng mở rộng duy trì thường xuyên, hiệu quả, đảm bảo an toàn theo đúng quy định. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản thực hiện tốt, đảm bảo 100% phụ nữ mang thai được khám thai định kỳ. Thực hiện tốt các hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em; chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời, trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng¹⁰.

Tăng cường quản lý hoạt động ngành y, dược ngoài công lập, quản lý thị trường thuốc tân dược, thực phẩm chức năng... Tiếp tục thực hiện tốt Bộ tiêu chí

⁹ Tổng số lượt khám bệnh, chữa bệnh: 1.253.741 lượt (giảm 217.808 lượt so với cùng kỳ). Số lượt điều trị nội trú 123.104 lượt, giảm 16.892 lượt; chuyên tuyến nội trú 3.509 lượt, giảm 06 lượt. Số ca phẫu thuật 19.871 ca, giảm 1.574 ca; tỷ lệ phẫu thuật có chuẩn bị đạt 40,2%.

¹⁰ Tổng số trẻ sinh ra là 12.362 trẻ (giảm 1.183 trẻ), tỷ số giới tính khi sinh 121,6 trẻ trai/100 trẻ gái, tăng 4,8 điểm %; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên 29,7% tăng 1,4%. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai đạt 99,9%; Tỷ lệ phụ nữ đẻ được chăm sóc sau sinh đạt 100%. Trong kỳ không ghi nhận trường hợp tử vong mẹ.

quốc gia y tế xã tại 126 xã, phường. Chú trọng công tác thu, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp¹¹.

Công tác an toàn thực phẩm: Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về an toàn thực phẩm. Thực hiện xây dựng, triển khai, nhân rộng các tiêu đề án và mô hình về an toàn thực phẩm. Quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; hoạt động thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm¹². Triển khai áp dụng bộ tiêu chí đảm bảo an toàn thực phẩm trong phòng, chống dịch Covid-19; thành lập các đội phản ứng nhanh sẵn sàng điều tra, xử lý các vụ ngộ độc thực phẩm và sự cố về an toàn thực phẩm khi xảy ra. Trên địa bàn xảy ra 1 vụ ngộ độc thực phẩm với tổng số người mắc 5 người, số người đi viện 5 người, không có trường hợp tử vong.

10.3. Giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ

Giáo dục và đào tạo, kết thúc năm học 2020 - 2021, toàn tỉnh Bắc Ninh có 502 trường học từ cấp mầm non đến THPT (trong đó, có 466 trường công lập, tỷ lệ 92,8%); 359.561 học sinh các cấp, so với năm học 2019 - 2020, tăng 05 trường và 15.109 học sinh các cấp và 17.995 biên chế giáo viên mầm non và phổ thông (trong đó: 1.197 cán bộ quản lý, 15.768 giáo viên và 1.030 nhân viên trường học) và 98 biên chế trường CĐSP; tỷ lệ trình độ đạt chuẩn của cán bộ quản lý và giáo viên các cấp là 93,06%; trên chuẩn là 32,47% (theo Luật Giáo dục 2019). Cụ thể ở các cấp là:

- Giáo dục mầm non: 174 trường (trong đó, 155 trường công lập; 19 trường tư thục); huy động 101.070 trẻ ra lớp và 3.787 nhóm/lớp, so với năm học trước tăng 02 trường, giảm 176 trẻ/học sinh; số trẻ 5 tuổi ra lớp là 27.729 (đạt tỷ lệ 100%). Trong đó 22.892 trẻ nhà trẻ, đạt tỷ lệ 43,1%, so với năm học trước tăng 0,2%, 17 nhóm và 257 trẻ; 2.773 lớp mẫu giáo, với 78.178 học sinh, đạt tỷ lệ 99,87% , so với năm học trước tăng 0,01%, 105 lớp và giảm 433 cháu; 91/93 trẻ khuyết tật được giáo dục hòa nhập trong các cơ sở giáo dục mầm non của tỉnh đạt tỷ lệ 97,8%.

- Giáo dục tiểu học: 152 trường (trong đó, 150 trường công lập, 02 trường tư thục); 3.570 lớp học, 129.849 học sinh (bình quân 36,4 học sinh/lớp), (so với năm học trước tăng 01 trường, 165 lớp, 5.965 học sinh); tỷ lệ huy động trẻ 05 (6) tuổi vào lớp 1 đạt 100%; duy trì sỹ số đạt 100%; học sinh khuyết tật được giáo dục hòa nhập trong các trường tiểu học của tỉnh đạt tỷ lệ 98,4%.

¹¹ Ước cả năm 2021: có 1,38 triệu người tham gia bảo hiểm; tăng 0,9% so với cùng kỳ, đạt 98,5% kế hoạch.

¹² Thực hiện rà soát, bổ sung, phân loại cơ sở định kỳ 3 tháng/lần. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm/ký bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm là 9.695/10.058. Tiến hành 760 lượt thanh tra, kiểm tra; trong đó: 493 cơ sở đạt tiêu chuẩn, 267 cơ sở vi phạm, nhắc nhở 243 cơ sở, xử phạt 21 cơ sở.

- Giáo dục THCS: 137 trường THCS công lập (trong đó 134 trường THCS, 03 trường liên cấp TH&THCS); 2.105 lớp học, 80.163 học sinh (so với năm học trước tăng 01 trường, 73 lớp và 3.761 học sinh); tỷ lệ học sinh bỏ học là 0,1%; học sinh khuyết tật được tiếp cận giáo dục trong các trường THCS của tỉnh đạt tỷ lệ 96,2%.

- Giáo dục THPT: 40 trường (23 trường công lập, 17 trường tư thục và trường phổ thông liên cấp); 1.020 lớp học; 42.311 học sinh (so với năm học trước tăng 27 lớp, 1.262 học sinh); tỷ lệ học sinh bỏ học là 0,18%; học sinh khuyết tật được tiếp cận giáo dục trong các trường THPT của tỉnh đạt tỷ lệ 79,1%.

- Các cơ sở giáo dục thường xuyên: 02 trung tâm GDTX, 01 trung tâm GDNN-GDTX cấp tỉnh, 05 trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện và 02 trường cao đẳng có dạy GDTX cấp THPT với 148 lớp, 6.168 học sinh học văn hóa hệ THPT (tăng 13 lớp, 998 học sinh); tỷ lệ học sinh bỏ học là 3,7% (giảm 0,76%); 75 trung tâm ngoại ngữ, 05 trung tâm ngoại ngữ - tin học đang hoạt động; 20 trung tâm giáo dục kỹ năng sống, 06 trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập; 100% xã/phường/thị trấn trong tỉnh có trung tâm học tập cộng đồng.

- Trường Cao đẳng Sư phạm: Hệ chính quy với 33 lớp, 996 sinh viên (giảm 08 lớp, 433 sinh viên so với năm học trước); hệ cao đẳng vừa học vừa làm với 05 lớp cao đẳng mầm non, 128 sinh viên; hệ đại học liên kết đào tạo với 30 lớp, 1077 sinh viên (giảm 235 sinh viên so với năm học trước).

Hoạt động khoa học và công nghệ, Hoạt động khoa học và công nghệ (tính đến hết tháng 10 năm 2021) được triển khai bảo đảm tiến độ và kế hoạch đề ra. Đã trình, được UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện gồm 32 nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành triển khai giai đoạn 1; một số nhiệm vụ chuyển tiếp đã hoàn thành và ứng dụng vào thực tiễn. Hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN tiếp tục được duy trì thực hiện (đã cấp 36 giấy phép gồm: Giấy chứng nhận Hợp đồng chuyển giao công nghệ; giấy phép vận chuyển hóa chất nguy hại; giấy chứng nhận thành lập Doanh nghiệp khoa học công nghệ; giấy phép hoạt động thiết bị X-quang y tế, chứng chỉ nhân viên bức xạ...); tư vấn, hướng dẫn 11 doanh nghiệp đăng ký sử dụng mã số, mã vạch; 03 doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở và tiếp nhận 08 hồ sơ công bố hợp chuẩn, hợp quy cho các sản phẩm hàng hóa; tiếp nhận, xử lý 548 giấy đăng ký kiểm tra Nhà nước về hàng hoá nhập khẩu; kiểm định, hiệu chuẩn 1.349 phương tiện đo các loại (đồng hồ điện, cân thông dụng, cân phân tích kỹ thuật, taximet...); thử nghiệm 403 mẫu sản phẩm hàng hóa phục vụ quản lý và yêu cầu của khách hàng. Hoạt động

thông tin KH&CN được đẩy mạnh nhằm tuyên truyền, phổ biến KH&CN phục vụ thiết thực và hiệu quả cho nhu cầu sản xuất và đời sống.

10.4. Văn hoá thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình

Hoạt động văn hóa tuyên truyền, thực hiện tốt các hoạt động tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị thường xuyên và đột xuất, được tổ chức đa dạng với nhiều hình thức như: Cổ động trực quan, thông tin lưu động, biểu diễn văn nghệ, triển lãm ảnh, chiếu phim chuyên đề... tập trung tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, kỷ niệm các ngày lễ lớn lồng ghép với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH, các sự kiện chính trị của đất nước, của tỉnh, đặc biệt tổ chức các hoạt động tuyên truyền Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo (08/8/1921 - 08/8/2021);... Tiếp tục tổ chức, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động nghệ thuật, biểu diễn; hoạt động điện ảnh, mỹ thuật, triển lãm; văn hóa, văn nghệ quần chúng, Cụ thể: Nhà hát DCQH Bắc Ninh xây dựng Đề án “Nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà hát Dân ca Quan họ”; tổ chức biểu diễn 22 buổi phục vụ nhiệm vụ chính trị; tổ chức thành công Chương trình hát Dân ca Quan họ trên thuyền với chủ đề “Bắc Ninh chào năm mới 2021”; mời nghệ nhân dạy hát Quan họ cổ, ký âm được 5 bài Quan họ trong kế hoạch bảo tồn Dân ca Quan họ; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tổ chức phát sóng 03 chương trình văn hóa, nghệ thuật phục vụ nhân dân vượt qua đại dịch Covid-19; Trung tâm Văn hóa tỉnh ước thực hiện được 500 buổi chiếu phim; tham gia Hội thi Tuyên truyền về Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026 do Cục Văn hóa Cơ sở tổ chức bằng hình thức gửi sản phẩm ghi hình các tiết mục biểu diễn, đạt 01 HC Vàng, 04 HC Bạc; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện phát sóng 04 chương trình với chủ đề “Chung tay phòng, chống dịch bệnh Covid-19”; Hoạt động Thư viện, Thư viện tỉnh đã phục vụ 13.457 lượt bạn đọc, cấp và đổi 1.736 thẻ bạn đọc, luân chuyển 61.061 lượt sách, báo, tạp chí; tổ chức trưng bày sách báo Xuân Tân Sửu 2021; Ngày hội sách và Văn hóa đọc lần thứ X năm 2021 với chủ đề “Sách - Tri thức, hội nhập và phát triển”; tổ chức nói chuyện chuyên đề với chủ đề “Đọc sách - Thay đổi cuộc đời” tại Ngày sách của Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Thuận Thành; tổ chức cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc tỉnh Bắc Ninh lần thứ I với sự tham gia của 111 Trường học, tổng số 4.225 bài dự thi (BTC đã trao 03 giải thập thê, 33 giải cá nhân); tham gia Ngày sách

Việt Nam tỉnh Bắc Ninh, trưng bày trên 500 bản sách và xếp mô hình sách nghệ thuật “Lăng Bác”; giới thiệu 53 cuốn sách trên truyền hình trong chuyên mục “Sắc màu văn hóa”; thực hiện 02 video tham gia cuộc thi Giới thiệu sách trực tuyến do Vụ Thư viện tổ chức với chủ đề “Cuốn sách tôi yêu”; tham dự Liên hoan cán bộ tuyên truyền giới thiệu sách kỷ niệm 110 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước do Bộ VH-TT-DL tổ chức; Bảo tàng tỉnh tổ chức thành công 05 cuộc trưng bày chuyên đề và phối hợp với Hội Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày tỉnh Bắc Ninh tổ chức trưng bày lưu động về “Tấm gương người chiến sĩ cách mạng tỉnh Bắc Ninh bị địch bắt tù đày” tại huyện Gia Bình và thị xã Từ Sơn. Su rầm 120 hiện vật, 227 tài liệu về Bầu cử đại biểu quốc hội và HĐND các cấp, 258 ảnh tư liệu; thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học “Di sản văn hóa chùa tháp tỉnh Bắc Ninh và việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản chùa tháp trong đời sống xã hội”; giới thiệu các hiện vật, sưu tập hiện vật tiêu biểu trên website Bảo tàng.

Hoạt động thể dục thể thao, tổ chức thành công 04 giải thể thao cấp tỉnh, tham gia 04 giải thể thao quốc gia¹³. Đội Bóng chuyền nữ Kinh Bắc - Bắc Ninh tích cực tham gia thi đấu tại các giải giao hữu, mở rộng nhằm quảng bá hình ảnh đội bóng đến quần chúng nhân dân trong và ngoài tỉnh; tăng cường giao lưu, học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn cũng như bản lĩnh thi đấu cho các vận động viên; tham gia thi đấu Giải Bóng chuyền Cúp Hoa Lư - Bình Điền năm 2021, kết quả đứng thứ 4/6 đội tham gia thi đấu; tham gia thi đấu Vòng 1 Giải Bóng chuyền Vô địch Quốc gia cúp Bamboo Airway năm 2021, kết quả xếp thứ 4/5 đội tham gia thi đấu.

Phát thanh truyền hình: Phát thanh, sản xuất và phát sóng 1.095 chương trình thời sự tổng hợp; 4.745 chương trình chuyên mục; 730 chương trình chuyên đề; 1.825 chương trình văn nghệ; 730 chương trình dành cho thiếu nhi. Phát sóng 6.022 giờ, chất lượng tốt. *Truyền hình*, sản xuất và phát sóng 2190 chương trình thời sự. 1343 chương trình tạp chí, chuyên mục, chuyên đề, phóng sự, phim tài liệu. 528 chương trình văn nghệ, thể thao. 408 chương trình dành cho thiếu nhi. Phát sóng 8.760 giờ, chất lượng tốt. *Thông tin điện tử*, thực hiện phát thanh, truyền hình trực tuyến. Upload 730 chương trình truyền hình; 365 chương trình phát thanh; trên 4000 tin, phóng sự, chương trình.

¹³ Tổ chức thành công Giải Cầu lông, Quần vợt truyền thống tỉnh Bắc Ninh lần thứ XXIII cúp VNPT VINAPHONE năm 2021; Lễ phát động hưởng ứng SEA GAMES 31; Ngày chạy Olympic và Giải chạy Nagakawa “Khỏe để lập nghiệp và giữ nước” Cúp Báo Bắc Ninh lần thứ XXV năm 2021; Giải vô địch Vật tự do, vật dân tộc tỉnh năm 2021. Tham gia thi đấu 04 giải thể thao quốc gia (các môn Kickboxing, Pencaksilat, Judo, Cờ tạ) đạt 9 HCV, 10 HCB, 17 HCD.

Xuất bản 02 số Đặc san phát thanh, truyền hình mừng Đảng, mừng Xuân và dịp kỷ niệm 96 năm ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam.

Các chương trình phát thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử đã thực hiện đúng tôn chỉ mục đích, bám sát Chương trình, Kế hoạch công tác của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh. Tuyên truyền kịp thời các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội, an ninh- quốc phòng diễn ra trên địa bàn tỉnh.

10.5. An ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra canh gác, kiểm soát quân sự bảo đảm an toàn; nắm chắc tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; kịp thời tham mưu xử lý không để bị động bất ngờ. Bảo vệ an toàn tuyệt đối các sự kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Hoàn thành tốt công tác tuyển quân năm 2021 (với 1.650 công dân). Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng; huấn luyện dân quân tự vệ, dự bị động viên bảo đảm chặt chẽ, an toàn. Tổ chức thực hiện tốt công tác huấn luyện, luyện tập, diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn theo kế hoạch, phù hợp với điều kiện phòng chống dịch. Bảo đảm tốt công tác hậu cần, kỹ thuật cho các nhiệm vụ. Triển khai, kích hoạt đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19; phối hợp với các lực lượng tổ chức các chốt kiểm soát dịch bảo đảm chặt chẽ; tiếp nhận, quản lý công dân vào cách ly đúng quy định, không để lây nhiễm chéo trong khu cách ly. Phục vụ đưa đón công dân cách ly đảm bảo an toàn.

An ninh chính trị được giữ vững ổn định; triển khai thực hiện các phương án, kế hoạch bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các đồng chí lãnh đạo Đảng, nhà nước thăm và làm việc tại Bắc Ninh, các sự kiện chính trị, xã hội quan trọng; giải quyết ổn định các điểm có tranh chấp, khiếu kiện phức tạp về an ninh nông thôn; đảm bảo an ninh kinh tế, an ninh thông tin; quản lý chặt chẽ người nước ngoài trên địa bàn và người Việt Nam ở nước ngoài về địa phương. Tăng cường nắm bắt tình hình, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm quy định về phòng, chống dịch bệnh¹⁴. Công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội có sự chuyển biến tích cực, kiềm chế sự gia tăng tội phạm, đấu tranh quyết liệt, hiệu quả với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội: số vụ phạm pháp hình sự giảm 6,7% so với cùng kỳ; tỷ lệ điều tra phá án

¹⁴ Quản lý chặt chẽ 63.202 lượt người nước ngoài khai báo tạm trú trên địa bàn, giảm 17,4% so với cùng kỳ. Phát hiện, xử lý 24 vụ, 86 đối tượng nhập cảnh trái phép. Tính từ ngày 05/5/2021 đến nay, đã khởi tố 12 vụ, 23 bị can liên quan đến công tác phòng, chống dịch. Xử phạt vi phạm hành chính hơn 5.000 trường hợp vi phạm các quy định về phòng, chống dịch; tổng số tiền phạt trên 7,5 tỷ đồng.

cao (đạt 90,5%)¹⁵; các vụ trọng án, vụ án phức tạp dư luận quan tâm đều sớm điều tra làm rõ. Đáng chú ý, đã lập án đấu tranh 2 vụ, 17 đối tượng làm giả giấy xét nghiệm Covid-19, đây là những vụ án đầu tiên trong cả nước đấu tranh với loại tội phạm này, góp phần tạo hiệu ứng lan tỏa, răn đe, phòng ngừa chung. Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh, phát huy hiệu quả. Công tác quản lý nhà nước về trật tự xã hội được tăng cường; trật tự an toàn giao thông được đảm bảo, tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí¹⁶.

10.6. Phòng chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường

Công tác phòng cháy, chữa cháy (PCCC) và cứu nạn, cứu hộ (CNCH): công tác quản lý Nhà nước về phòng cháy chữa cháy được thực hiện có hiệu quả, số vụ cháy giảm so với cùng kỳ năm 2020. *Tính chung cả năm 2021*, toàn tỉnh xảy ra: 23 vụ cháy (giảm 02 vụ so với năm trước); làm chết 3 người (tương đương với năm trước); không có người bị thương (giảm 7 người); làm thiệt hại 165,9 tỷ đồng (tăng 86 tỷ đồng). Riêng tháng 12, xảy ra 07 vụ (02 vụ nhà dân, 01 vụ nhà ở kết hợp kinh doanh, 02 vụ trạm biến áp điện, 01 phương tiện giao thông, 01 cháy khác); Thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 600 triệu đồng...

Bảo vệ môi trường: Công tác bảo vệ môi trường được chú trọng, thực hiện hiệu quả đề án tổng thể bảo vệ môi trường; hoàn thành 11 đề án phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Tăng cường quản lý chất thải, giám sát vận hành các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt¹⁷. Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường. Bước đầu có nhiều chuyên biến tích cực trong việc xử lý sai phạm quy định của các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nhất là phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh và xã Phú Lâm, huyện Tiên Du; xử phạt 244 cơ sở với tổng số tiền trên 19 tỷ đồng.

Khái quát lại: Năm 2021, trong bối cảnh hết sức khó khăn do đại dịch Covid-19, việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có một số chỉ tiêu tuy vẫn thấp hơn mức trung bình của mục tiêu của giai đoạn (2021-2025) đã đề ra, nhưng với sự nỗ lực, hành động quyết liệt, sáng tạo của toàn hệ thống chính trị cùng với sự ủng hộ, đồng hành cố gắng vượt khó khăn của cộng đồng doanh nghiệp, người dân trong tỉnh thực hiện “mục tiêu kép” vừa thực hiện tốt phòng

¹⁵ Từ đầu năm đến nay, xảy ra 459 vụ phạm pháp hình sự; khởi tố 120 vụ đánh bạc (giảm 10,1%), 683 đối tượng; khởi tố 24 vụ mai dâm (giảm 17,2%), 26 đối tượng. Phát hiện, bắt giữ 586 vụ phạm tội về ma túy (tăng 1,4%), 1.066 đối tượng. Phát hiện, xử lý 270 vụ việc về kinh tế, tham nhũng, buôn lậu (tăng 5,9%). Phát hiện 485 vụ vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm (tăng 1,5%). (B/c của Công an tỉnh)

¹⁶ Tai nạn giao thông xảy ra 70 vụ (giảm 4,1%); làm 49 người chết (giảm 7,5%), 27 người bị thương (giảm 7,6%). (B/c của Công an tỉnh)

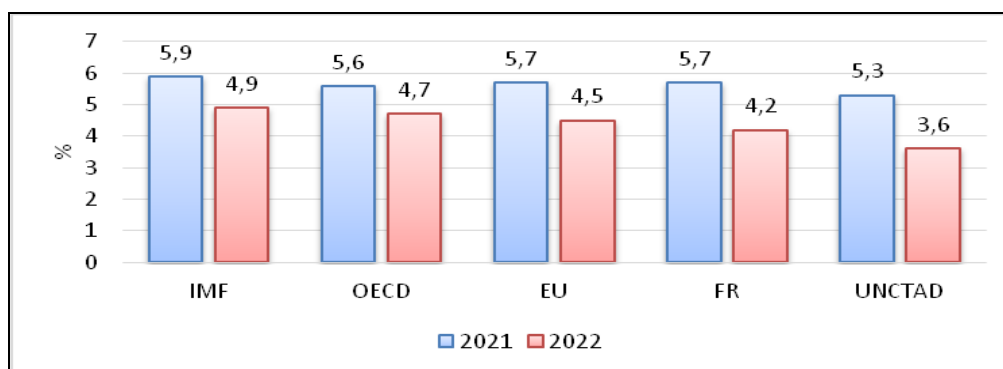
¹⁷ Ký thỏa thuận nguyên tắc cung cấp rác thải cho 03 dự án xử lý chất thải phát điện; khẩn trương xử lý ô nhiễm nguồn nước sông Cầu; triển khai dự án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn tồn đọng tại xã Văn Môn.

chống dịch, vừa duy trì, phát triển kinh tế - xã hội; những kết quả đạt được là đáng phấn khởi, tốc độ tăng trưởng GRDP đạt khá cao và bức tranh tổng thể về kinh tế - xã hội có nhiều điểm sáng. *Bên cạnh những kết quả đạt được*, kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2021 còn tồn tại hạn chế: Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn và tỷ lệ tổng vốn đầu tư so với GRDP đạt thấp;...

II. DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

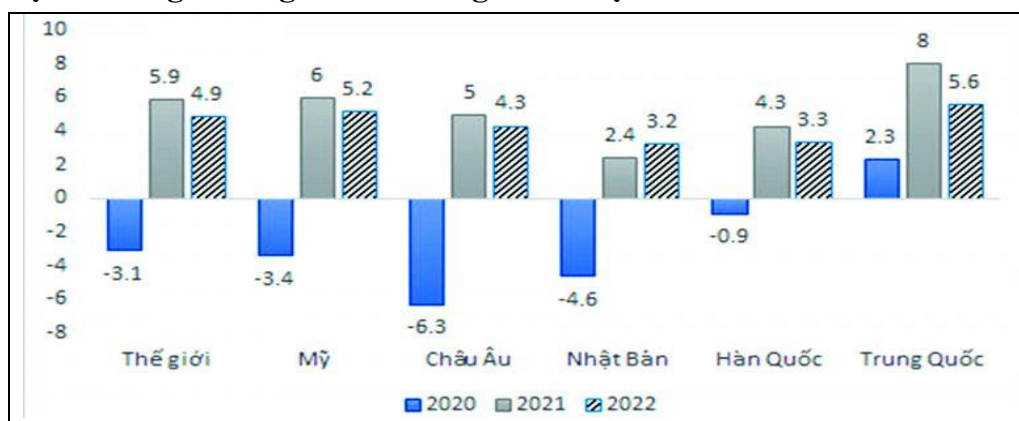
Dự báo tình hình quốc tế, trong nước có những cơ hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Dịch Covid-19 còn có thể kéo dài, thế giới có khả năng sẽ phải chấp nhận sống chung lâu dài với dịch bệnh. Quá trình phục hồi và tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới dự báo thấp hơn năm 2021¹⁸.

Dự báo tăng trưởng toàn cầu của các tổ chức quốc tế cho năm 2021, 2022



Nguồn: IMF, OECD, EU, FR, UNCTAD

Dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới và một số nước có nền kinh tế lớn



Nguồn: tổng hợp từ báo cáo tháng 10/2021 của IMF

Trong nước vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Rủi ro lớn nhất vẫn là diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19; sức chống chịu và nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân giảm sút.

¹⁸ Trong báo cáo tháng 10/2021, IMF dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2022 đạt 4,9% so với dự kiến 5,9% năm 2021.

Trong tỉnh, việc hoàn thành bao phủ vắc-xin trong năm 2021 là một trong những điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển kinh tế. Tuy nhiên, kinh tế của tỉnh vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ tăng trưởng thấp nếu không sớm kiểm soát được dịch bệnh Covid-19.

Năm 2022 là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025. Trong bối cảnh đó, tỉnh cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2022 như sau:

(1) Tiếp tục tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch Covid-19 vừa phục hồi, phát triển kinh tế xã hội; tập trung thực hiện Chỉ thị số 01/CT-UBND về những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và các Chỉ thị, nhiều văn bản, chính sách tăng cường quản lý, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh phát triển toàn diện trên các lĩnh vực.

(2) Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, phấn đấu đạt tỷ lệ giải ngân 100% trong năm 2022. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án hạ tầng chiến lược để thúc đẩy phát triển KTXH. Ưu tiên bố trí vốn cho dự án quan trọng, chương trình, dự án phát triển hạ tầng trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển KTXH, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước và bảo đảm phát triển hài hòa giữa các địa phương trong tỉnh.

(3) Tiếp tục cơ cấu lại NSNN theo hướng bền vững, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng. Khai thác các dự địa thu, chú trọng các nguồn thu từ thuế và hải quan, phấn đấu đạt tỷ lệ huy động cao hơn vào NSNN. Tổ chức tốt công tác thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ và khắc phục các tồn tại, bất cập trong thực hiện, đặc biệt đối với các hoạt động chuyển giá, thương mại điện tử và các hình thức kinh doanh trên nền tảng số. Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển, trong điều hành phấn đấu cơ cấu lại ở mức tích cực hơn; nâng cao hiệu quả phân bổ, sử dụng trên cơ sở đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra.

(4) Về sản xuất nông, lâm nghiệp thủy sản: Tăng cường công tác khoa học công nghệ và khuyến nông; nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm. Triển khai các chiến lược phát triển ngành hàng theo hướng tích hợp đa giá trị, tăng hàm lượng khoa học công nghệ trong nông nghiệp. Chuyển đổi mô hình sản xuất ngành trồng trọt theo hướng tiếp cận kinh tế tuần hoàn, nhất là chuỗi trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, giảm hao phí tài nguyên, chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Tiếp tục mở rộng chăn nuôi áp dụng quy trình

VietGAP; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị. Ổn định, phát triển chăn nuôi lợn. Kiểm soát tốt dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; tăng cường hoạt động kiểm dịch thú y; đẩy mạnh kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y tại các cơ sở chăn nuôi, giết mổ, sơ chế sản phẩm động vật.

(5) Về sản xuất công nghiệp: Tiếp tục thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp đối với các sản phẩm công nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm thị trường xuất nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng, linh kiện thay thế. Tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu như may, điện tử...

(6) Về khu vực dịch vụ: Tập trung ưu tiên các biện pháp phòng, chống và kiểm soát dịch; khắc phục khó khăn, khôi phục hoạt động kinh doanh, nhất là trong lĩnh vực du lịch, lưu trú, vận tải, nghiên cứu và vận hành các mô hình dịch vụ an toàn thích ứng với dịch bệnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP tỉnh uỷ, VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- Vụ TKTH (TCTK);
- Sở KHĐT, Sở Tài chính, NHNN tỉnh;
- Phòng ANKT (CA tỉnh); Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- LĐ Cục, các phòng thuộc CQ Cục;
- Chi cục Thống kê các H, TX, TP;
- Lưu: TKTH, VT.

Q. CỤC TRƯỞNG

Vũ Minh Giang